

# HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRONG NGÀNH GỖ 9 THÁNG NĂM 2024

Cao Thị Cẩm (VIFOREST)  
Trần Lê Huy (FPA Bình Định)

Tháng 12 năm 2024

## LỜI CẢM ƠN

Báo cáo **Hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong ngành gỗ 9 tháng năm 2024** là sản phẩm hợp tác của Nhóm nghiên cứu của Tổ chức Forest Trends, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST), Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ Thành phố Hồ Chí Minh (HAWA), Hiệp hội Chế biến gỗ tỉnh Bình Dương (BIFA), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định), và Hiệp hội Gỗ và Thủ công Mỹ nghệ tỉnh Đồng Nai (DOWA). Cụ thể, Báo cáo tóm lược tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành gỗ Việt Nam giai đoạn 2020 đến hết 9 tháng năm 2024 cũng như tình hình xuất khẩu của nhóm doanh nghiệp FDI. Nguồn thông tin trong Báo cáo được tổng hợp từ số liệu thống kê các dự án đầu tư, hoạt động xuất nhập khẩu của nhóm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) từ Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và Tổng cục Hải quan.

Nhóm tác giả chân thành cảm ơn sự giúp đỡ sự hỗ trợ tài chính của Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy (NORAD) và Bộ Ngoại giao và Phát triển Vương quốc Anh (FCDO) cùng các ý kiến đóng góp của các chuyên gia trong ngành, lãnh đạo các Hiệp hội nêu trên cũng như các đồng nghiệp Forest Trends đã tham gia góp ý, biên tập báo cáo.

# MỤC LỤC

---

LỜI CẢM ƠN.....	2
MỤC LỤC .....	3
TÓM TẮT .....	6
<b>1. Giới thiệu .....</b>	<b>8</b>
<b>2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành gỗ Việt 9 tháng đầu năm 2024.....</b>	<b>8</b>
2.1. Đầu tư FDI vào Việt Nam nói chung.....	8
2.2. Đầu tư FDI vào ngành gỗ.....	9
Các dự án đầu tư mới .....	11
Các dự án góp vốn mua cổ phần.....	15
Các dự án điều chỉnh vốn .....	19
2.3. Địa phương nhận các dự án FDI mới.....	23
<b>3. Xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI .....</b>	<b>24</b>
3.1. Xuất khẩu của doanh nghiệp FDI trong 9 tháng năm 2024.....	24
3.2. Giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI theo Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư.....	25
3.3 Giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI theo địa phương nhận đầu tư.....	26
3.4. Mặt hàng xuất khẩu của các DN FDI 9 tháng đầu năm 2024 .....	28
3.5. Thị trường xuất khẩu của các DN FDI 9 tháng đầu năm 2024.....	28
<b>4. Nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.....</b>	<b>30</b>
4.1. Nhập khẩu của doanh nghiệp FDI 9 tháng năm 2024.....	30
4.2. Mặt hàng nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2024.....	30
4.3. Thị trường nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2024.....	31
<b>5. Kết luận.....</b>	<b>31</b>

## DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1: Số dự án FDI và số vốn đầu tư 9 tháng năm 2024 theo hình thức đầu tư .....	9
Hình 2: Số dự án FDI đầu tư mới và tổng vốn FDI đầu tư mới vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024.....	11
Hình 3: Quy mô bình quân mỗi dự án FDI đầu tư mới vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024 .....	13
Hình 4: Số các dự án FDI đầu tư mới theo ngành hàng vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024 .....	14
Hình 5: Vốn đầu tư các dự án FDI đầu tư mới theo mặt hàng vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024 (Đơn vị: USD) .....	15
Hình 6: Lượt góp và giá trị vốn FDI góp mua cổ phần vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng 2024.....	15
Hình 7: Giá trị vốn góp trung bình mỗi lượt trong các dự án góp vốn mua cổ phần giai đoạn 2021 – 9 tháng 2024.....	17
Hình 8: Số lượt đầu tư GVMCP vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng 2024.....	18
Hình 9: Giá trị vốn đầu tư GVMCP vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng 2024.....	18
Hình 10: Số lượt và giá trị điều chỉnh vốn vào dự án FDI ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng 2024 .....	19
Hình 11: Mức vốn trung bình của mỗi lượt điều chỉnh vốn đầu tư FDI vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024 .....	21
Hình 12: Số lượt điều chỉnh vốn FDI vào ngành gỗ phân theo ngành hàng giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024.....	22
Hình 13: Giá trị vốn điều chỉnh của các dự án FDI ngành gỗ phân theo ngành hàng giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024 .....	22
Hình 14: Số các địa phương nhận các dự án FDI mới vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024 .....	23
Hình 15: Lượng (trái) và giá trị xuất khẩu G&SPG của DN khối FDI và DN Việt giai đoạn 2021- 9 tháng năm 2024.....	25
Hình 16: Lượng (trái) và giá trị nhập khẩu G&SPG của DN khối FDI và DN trong nước giai đoạn 2021- 9T 2024.....	30

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Đầu tư FDI vào ngành gỗ Việt Nam giai đoạn 2021 – 9 tháng 2024 so với 9 tháng 2023 .	10
Bảng 2: Số dự án mới và vốn đầu tư của các quốc gia/ vùng lãnh thổ vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9T 2024.....	12
Bảng 3: Mức vốn đầu tư FDI trung bình mỗi dự án vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng 2024 (USD) .....	13
Bảng 4: Lượt và giá trị vốn góp mua cổ phần của các doanh nghiệp FDI theo quốc gia/ vùng lãnh thổ giai đoạn 2021 -9 tháng năm 2024 .....	16
Bảng 5: Giá trị vốn góp trung bình cho mỗi lượt góp vốn theo quốc gia giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024 (USD).....	17
Bảng 6: Số lượt và giá trị vốn điều chỉnh của các dự án FDI ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024.....	20
Bảng 7: Số dự án và giá trị vốn đầu tư FDI mới vào ngành gỗ theo địa phương giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024 .....	24

Bảng 9: Kim ngạch XK của khối DN FDI theo quốc giá đầu tư vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024 .....	25
Bảng 10: Kim ngạch xuất khẩu phân bố theo tỉnh thành phân theo DN FDI và DN Việt giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024.....	27
Bảng 11: Số lượng doanh nghiệp và giá trị xuất khẩu của DN FDI và DN Việt nam theo mặt hàng giai đoạn 2021 – 9T 2024.....	28
Bảng 14: Số DN và kim ngạch nhập khẩu của DN FDI và DN trong nước theo các thị trường chính, giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024.....	31

## TÓM TẮT

Trước làn sóng chuyển dịch đầu tư giữa các khu vực và quốc gia trên thế giới, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ngày càng mở rộng tại Việt Nam và đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt. Tính hết quý 3/2024, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp (GVMCP) của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 24,78 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2023. Ngành gỗ Việt Nam không nằm ngoài xu thế đó. Hiện nay doanh nghiệp khối FDI đang hiện diện ngày càng sôi động trong chuỗi cung của ngành từ thương mại, sản xuất, chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ. Một số thông tin cơ bản về hoạt động của nhóm DN FDI trong ngành gỗ 9 tháng đầu năm 2023 bao gồm:

### Các dự án đầu tư mới

- Số dự án (DA) đầu tư mới 9 tháng năm 2024 giảm 20,8% về số lượng và giảm 16,8% về số vốn đầu tư so với cùng kỳ năm 2023, cụ thể: ngành gỗ nhận 38 dự án đầu tư mới, với số vốn 228,55 triệu USD, giảm 5% về số dự án và 5,7% về số vốn so với cùng kỳ năm 2023.
- Trung Quốc có 17 dự án với vốn đầu tư 128,69 triệu USD, chiếm 44,7% về số dự án và chiếm tới 56,3% về tổng vốn đầu tư nước ngoài vào ngành gỗ trong 9 tháng năm 2024. Các dự án do Trung Quốc đầu tư chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực chế biến gỗ, sản xuất các sản phẩm giường tủ, bàn, ghế, ghế sofa, ghế văn phòng, ván sàn.

### Góp vốn mua cổ phần

- Trong 3 quý đầu năm 2024, số lượt góp mua cổ phần tăng 22,2% về số lượt góp vốn và 0,5% về số vốn góp so với cùng kỳ năm 2023, cụ thể: có 33 lượt góp vốn mua cổ phần, đạt 124,71 triệu USD về số vốn góp, tăng 22,5% về số lượt và 0,5% về số vốn so với cùng kỳ năm 2023.
- Đài Loan (Trung Quốc) có 6 lượt góp vốn mua cổ phần, với số vốn góp đạt trên 75,81 triệu USD.

### Điều chỉnh vốn

- Số dự án điều chỉnh vốn và số vốn điều chỉnh trong 9 tháng đầu năm 2024 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2023, lần lượt ở mức 26,7% và 205,7%, cụ thể: số lượt điều chỉnh vốn là 38 lượt, với số vốn điều chỉnh đạt 123,6 triệu USD tăng 26,7% về số lượt và 205,7% về số vốn so với cùng kỳ năm 2023.
- Singapore dẫn đầu với 6 lượt điều chỉnh vốn, số vốn tăng 32,05 triệu USD, tập trung vào sản xuất mặt hàng giường, tủ, bàn ghế, sản xuất mặt hàng ván sàn gỗ.

### Xuất khẩu của khối DN FDI

- Trong 9 tháng năm 2024, Việt Nam có 3.773 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu trực tiếp với kim ngạch đạt trên 11,4 tỷ USD, tăng 17,5% so với cùng kỳ năm 2023.
- Số lượng DN FDI tham gia trực tiếp xuất khẩu trong 9 tháng năm 2024 là 716 doanh nghiệp, chiếm 19% tổng số lượng DN tham gia xuất khẩu, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2023.

- Về kim ngạch xuất khẩu của nhóm này đạt 5,5 tỷ USD, chiếm tới 48,2% tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành gỗ, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm 2023.
- Các DN FDI dẫn đầu về giá trị xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 4,2 tỷ USD, chiếm 77% tổng kim ngạch xuất khẩu của khối, gồm: Trung Quốc (1,96 tỷ USD, tăng 34,6% so với cùng kỳ năm 2023 và chiếm 35,6%), Đài Loan (Trung Quốc) (0,82 tỷ USD, tăng 18,7% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 14,9%), Quần đảo Virgin thuộc Anh (trên 0,77 tỷ USD, tăng 22,0% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 14%), Singapore và Nhật Bản.

### **Nhập khẩu của khối DN FDI**

- Trong 9 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp FDI đạt 736,92 triệu USD, chiếm 35,2% tổng kim ngạch nhập khẩu của ngành gỗ, tăng 44,5% so với cùng kỳ năm 2023.
- Số lượng DN FDI tham gia trực tiếp xuất khẩu trong 9 tháng năm 2024 là 897 doanh nghiệp, chiếm 22,6% tổng lượng DN tham gia nhập khẩu, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2023.

Trong 9 tháng năm 2024 các DA đầu tư mới có xu hướng giảm trong khi góp vốn mua cổ phần và điều chỉnh vốn của các DN FDI tiếp tục tăng mạnh trong ngành gỗ so với cùng kỳ năm 2023. Sự gia tăng trong 2 trong 3 hình thức hoạt động của các DN FDI cho thấy lợi thế về vị trí địa lý, thương mại tự do của Việt Nam và những vấn đề liên quan chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ trong tương lai.

## Giới thiệu

Đóng góp của các DN chế biến gỗ có vốn đầu tư nước ngoài đang chiếm tỷ lệ lớn trong giá trị xuất khẩu của ngành gỗ Việt trong những năm qua. Năm 2023, Việt Nam có trên 4.000 doanh nghiệp (DN) tham gia xuất khẩu trực tiếp, trong đó số lượng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) chỉ chiếm 17%. Mặc dù chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ, kim ngạch xuất khẩu của nhóm FDI luôn chiếm gần một nửa tổng kim ngạch xuất khẩu của cả ngành. Số lượng và kim ngạch xuất khẩu của các DN FDI tham gia ngành luôn có sự tăng trưởng ổn định trong những năm vừa qua.

Khối DN FDI là một trong những động lực phát triển quan trọng của nền kinh tế với các yếu tố đầu vào quan trọng để phát triển như sức mạnh về vốn, trình độ quản lý, công nghệ và khả năng tiếp cận thị trường. Chính phủ cũng kỳ vọng rằng theo thời gian, các yếu tố đầu vào này sẽ được lan tỏa sang khối DN Việt Nam.

Báo cáo **Hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong ngành gỗ 9 tháng năm 2024** cập nhật thông tin về tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong ngành gỗ Việt Nam đến hết quý 3 năm 2024. Báo cáo tổng hợp thông tin về các dự án đầu tư FDI mới, các lượt sáp nhập, góp vốn mua cổ phần, thị trường xuất khẩu và kim ngạch xuất nhập khẩu các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của khối FDI này.

Báo cáo bao gồm 5 phần. Sau Phần 1 (giới thiệu), Phần 2 cung cấp một số thông tin về khối doanh nghiệp FDI trong ngành gỗ, tập trung vào các dự án FDI đầu tư mới, điều chỉnh vốn, mua bán sáp nhập. Phần 3 của báo cáo trình bày về thực trạng xuất khẩu của khối FDI. Phần 4 của báo cáo là thông tin về tình hình nhập khẩu của khối DN này. Phần 5 kết thúc báo cáo, với một số kết luận và kiến nghị.

## 2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành gỗ Việt 9 tháng đầu năm 2024

### 2.1. Đầu tư FDI vào Việt Nam nói chung

Việt Nam đón nhận nhiều dự án đầu tư nước ngoài (FDI) và trở thành điểm đến của nhiều nhà đầu tư trong những năm gần đây. Trong 9 tháng đầu năm 2024, Việt Nam tiếp tục nhận được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư. Số liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài cho thấy, tính tới hết ngày 30/9/2024, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp (GVMCP) của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 24,78 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2023.

Cơ cấu đầu tư nước ngoài vào Việt Nam hết quý 3 năm 2024 như sau:

- Vốn đăng ký cấp mới: có 2.492 dự án mới được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (giảm 4,3% so với cùng kỳ), tổng vốn đăng ký đạt gần 13,55 tỷ USD (tăng 11,3% so với cùng kỳ);
- Góp vốn mua cổ phần: Có 1.027 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư (tăng 7,3% so với cùng kỳ), tổng vốn đăng ký tăng thêm đạt hơn 7,64 tỷ USD (tăng 48,1% so với cùng kỳ);



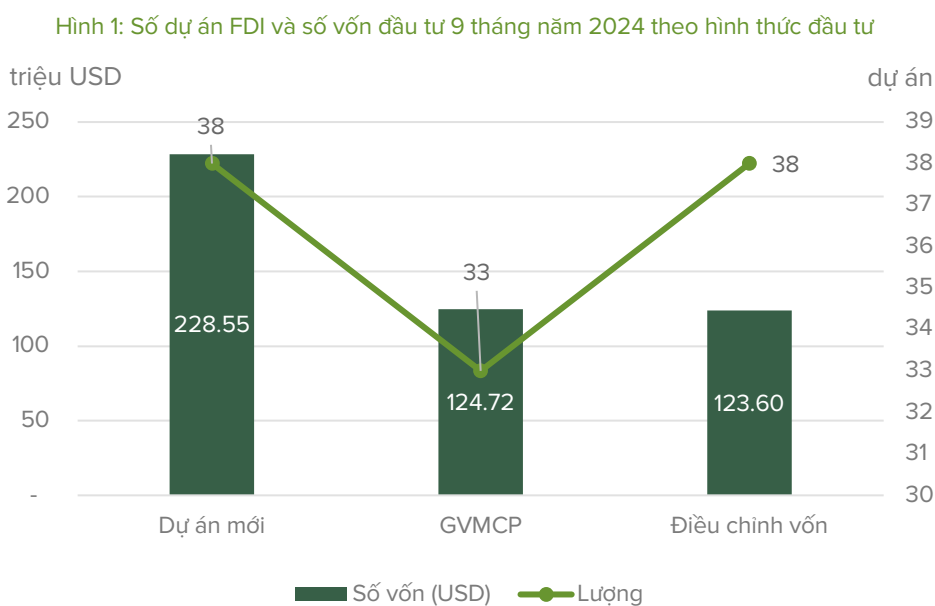
- Điều chỉnh vốn: Có 2.471 giao dịch GVMCP của nhà ĐTNN (giảm 6,5% so với cùng kỳ), tổng giá trị vốn góp đạt gần 3,59 tỷ USD (giảm 26,2% so với cùng kỳ).

Trong 9 tháng năm 2024, có 98 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam. Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư hơn 7,35 tỷ USD, chiếm gần 29,7% tổng vốn đầu tư, tăng 69% so với cùng kỳ 2023. Trung Quốc đứng thứ hai với hơn 3,2 tỷ USD, chiếm 13% tổng vốn đầu tư, giảm 4,5% so với cùng kỳ. Tiếp theo là Hàn Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản<sup>1</sup>,...

Đối với ngành gỗ, các dự án FDI tăng trong các năm gần đây, số liệu thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cho thấy năm 2019, ngành gỗ Việt tiếp nhận 99 dự án đầu tư mới từ 14 quốc gia và vùng lãnh thổ với số vốn hơn 700 triệu USD. Tới năm 9 tháng năm 2024, ngành gỗ Việt tiếp nhận vốn đầu tư mới từ 11 quốc gia và vùng lãnh thổ với vốn đầu tư đạt 288,55 triệu USD.

## 2.2. Đầu tư FDI vào ngành gỗ

Trong 9 tháng đầu năm 2024, các dự án FDI đầu tư mới vào ngành gỗ giảm cả về số dự án và số vốn nhưng lại tăng cả về số lượt và số vốn ở hình thức đầu tư điều chỉnh vốn và góp vốn mua cổ phần so với cùng kỳ năm 2023. Hình 1 thể hiện số lượng DA và tổng vốn FDI của mỗi loại hình thức đầu tư trong năm 2023.



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Cụ thể:

- Đầu tư mới: số dự án (DA) đầu tư mới 9 tháng năm 2024 giảm 20,8% về số lượng và giảm 16,8% về số vốn đầu tư so với cùng kỳ năm 2023.
  - Năm 2021, số lượng các dự án đầu tư mới vào ngành tiếp tục giảm chỉ nhận 35 dự án với số vốn 332,84 triệu USD giảm 44,4% về số dự án và 10,7% về vốn đầu tư.
  - Năm 2022, số dự án đầu tư mới chỉ nhận được 28 dự án với số vốn 90,25 triệu USD, giảm 20% về số dự án và 72,9% về số vốn.

<sup>1</sup> <https://www.mpi.gov.vn/portal/Pages/2024-10-4/Tinh-hinh-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-9-thang-nam-20wir43k.aspx>

- Năm 2023, ngành gỗ nhận được 57 dự án đầu tư mới, với số vốn 300,06 triệu USD, tăng 104% về số dự án và 232% về số vốn so với năm 2022.
- 9 tháng đầu năm 2024, ngành gỗ nhận 38 dự án đầu tư mới, với số vốn 228,55 triệu USD, giảm 5% về số dự án và 5,7% về số vốn so với cùng kỳ năm 2023.
- Góp vốn mua cổ phần (GVMCP): Hết quý 3 năm 2024, số lượt góp vốn mua cổ phần tăng 22,2% về số lượt góp vốn và 0,5% về số vốn góp so với cùng kỳ năm 2023, cụ thể:
  - Năm 2021, có 278 lượt góp vốn mua cổ phần, với số vốn góp là 126,33 triệu USD, tăng 1,28 lần về số lượt, nhưng giảm mạnh về số vốn góp, giảm 48,4% so với năm 2020.
  - Năm 2022, có 33 lượt góp vốn mua cổ phần, số vốn góp đạt 110,02 triệu USD. Số lượt góp vốn đã giảm mạnh 88,1% so với năm trước đó, nhưng chỉ giảm 12,9% về số vốn góp.
  - Năm 2023, có 36 lượt góp vốn mua cổ phần, với số vốn góp đạt 139,83 triệu USD, tăng 9,1% về số lượng và 27,1% về số vốn so với năm 2022.
  - 9 tháng năm 2024, có 33 lượt góp vốn mua cổ phần, đạt 124,71 triệu USD về số vốn góp, tăng 22,5% về số lượng và 0,5% về số vốn so với cùng kỳ năm 2023.
- Điều chỉnh vốn: Số dự án điều chỉnh vốn và số vốn điều chỉnh trong 9 tháng đầu năm 2024 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2023, lần lượt ở mức 26,7% và 205,7%. Cụ thể:
  - Năm 2021, có 27 lượt điều chỉnh vốn, với số vốn tăng 144,14 triệu USD, giảm 48,08% về số lượt và 25,57% về số vốn tăng so với năm 2020.
  - Năm 2022, có 30 lượt điều chỉnh vốn, với số vốn tăng là 53,08 triệu USD, tăng 11,11%, về số lượt, nhưng số vốn điều chỉnh lại giảm mạnh ở mức 63,17% so với năm trước đó.
  - Năm 2023, số lượt điều chỉnh vốn là 35 lượt, với số vốn tăng đạt 57,24 triệu USD, tăng 16,7% về số lượng và 7,8% về số vốn so với năm 2022.
  - 9 tháng năm 2024, số lượt điều chỉnh vốn là 38 lượt, với số vốn điều chỉnh đạt 123,6 triệu USD tăng 26,7% về số lượt và 205,7% về số vốn so với cùng kỳ năm 2023.

Bảng 1 thể hiện chi tiết số dự án và giá trị vốn FDI đầu tư vào ngành gỗ trong giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024.

Bảng 1: Đầu tư FDI vào ngành gỗ Việt Nam giai đoạn 2021 – 9 tháng 2024 so với 9 tháng 2023

Loại hình đầu tư	2021	2022	2023	9T 2024	9T 2023
Dự án mới	35	28	57	38	48
Vốn đăng ký mới (USD)	332.837.383	90.254.849	300.064.495	228.551.451	274.755,204
Số lượt dự án điều chỉnh vốn	27	30	35	38	30
Vốn điều chỉnh (USD)	144.139.107	53.079.891	57.244.445	123.600.796	40,425,977
Số lượt góp vốn mua cổ phần	278	33	36	33	27
Giá trị góp vốn mua cổ phần (USD)	126.326.882	110.018.978	139.826.340	124.718.702	124,091,418

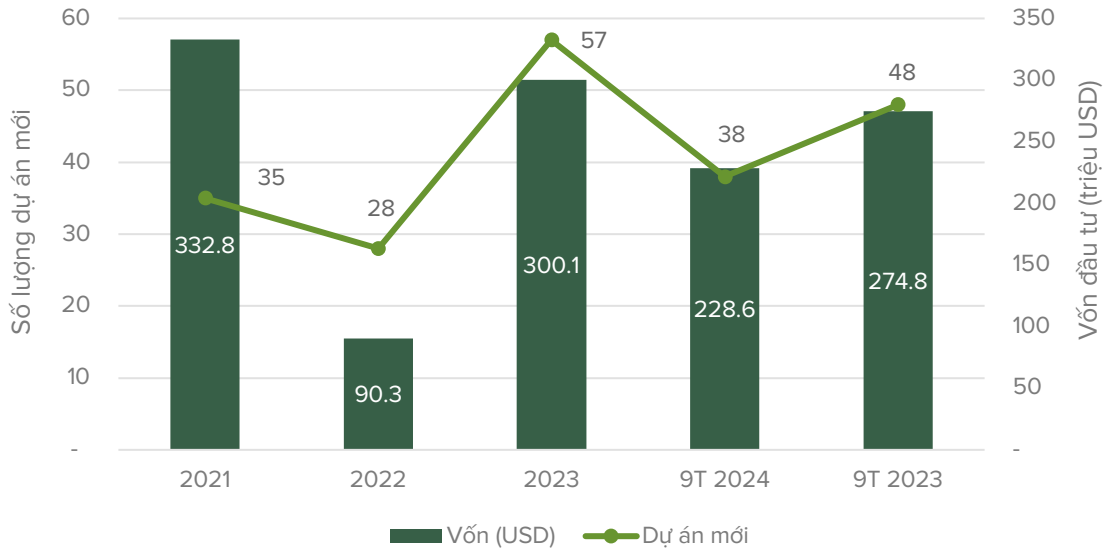
Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

## Các dự án đầu tư mới

### Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư

9 tháng năm 2024, ngành gỗ tiếp nhận 38 dự án đầu tư mới với số vốn 228,55 triệu USD. Hình 2 thể hiện số lượng và số vốn đầu tư mới vào ngành gỗ trong giai đoạn từ năm 2021 -9 tháng năm 2024 so với 9 tháng năm 2023 (Hình 2).

Hình 2: Số dự án FDI đầu tư mới và tổng vốn FDI đầu tư mới vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Hết quý 3 năm 2024, có 11 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư các dự án mới vào ngành gỗ, tuy nhiên số vốn đầu tư chủ yếu tập trung ở các quốc gia/ vùng lãnh thổ như Trung Quốc, Singapore, Hồng Kông (Trung Quốc) và Marshall Islands. Cụ thể:

- Trung Quốc: 17 dự án với vốn đầu tư 128,69 triệu USD, chiếm 44,7% về số dự án và chiếm tới 56,3% về tổng vốn đầu tư nước ngoài vào ngành gỗ trong 9 tháng năm 2024.

Các dự án do Trung Quốc đầu tư chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực sau: 13 dự án về chế biến gỗ, đầu tư vào sản xuất các sản phẩm giường tủ, bàn, ghế, ghế sofa, ghế văn phòng, ván sàn...với vốn đầu tư trên 115,19 triệu USD, chiếm tới 89,5% tổng vốn đầu tư của Trung Quốc vào ngành gỗ; 1 dự án đầu tư vào sản xuất các thanh nẹp, cầu thang.. đồ gỗ dùng trong xây dựng với vốn đầu tư 10 triệu USD, chiếm 7,8%; 1 dự án sản xuất pallet gỗ với số vốn đầu tư 2,5 triệu USD, chiếm 1,9% tổng vốn FDI Trung Quốc đầu tư vào ngành gỗ; 2 dự án thương mại buôn bán sản phẩm đồ gỗ với vốn đầu tư 1 triệu USD, chỉ 0,8% tổng vốn FDI Trung Quốc vào ngành gỗ;

- Singapore: 7 dự án mới với số vốn 31,09 triệu USD, chiếm gần 18,4% về số dự án và 13,1% về vốn đầu tư. Tập trung vào các mặt hàng sau: 3 dự án chế biến gỗ đầu tư vào sản xuất giường tủ, bàn, ghế với số vốn đầu tư 9,37 triệu USD, chiếm 30,1% tổng vốn đầu tư của Singapore; 2 dự án sản xuất mặt hàng ván sàn gỗ với vốn đầu tư 6,72 triệu USD; 1 dự án đầu tư vào sản xuất phụ liệu ngành gỗ (keo dán,...) với vốn đầu tư 9 triệu USD và 1 dự án buôn bán các sản phẩm đồ gỗ với vốn đầu tư 6 triệu USD.
- Hồng Kông (Trung Quốc): 3 dự án mới, số vốn đầu tư 28,19 triệu USD, chiếm 7,9% về số dự án và 12,4% về tổng vốn đầu tư. Các dự án do Hồng Kông (Trung Quốc) đầu tư tập trung vào các mặt

hàng như: sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, ghế sofa với 2 dự án có tổng vốn đầu tư 22,59 triệu USD; 1 dự án sản xuất pallet và hộp gỗ với vốn đầu tư 5,7 triệu USD.

- Đài Loan (Trung Quốc): 2 dự án mới, với số vốn 4 triệu USD, gồm 1 dự án đầu tư vào sản xuất đồ gỗ nội, ngoại thất với vốn đầu tư 3,8 triệu USD và 1 dự án thương mại, buôn bán sản phẩm gỗ với vốn đầu tư 0,2 triệu USD.
- Vương Quốc Anh: 2 dự án mới, số vốn đầu tư là 20,7 triệu USD, chiếm 5,3% về số dự án, và chiếm 9,1% về số vốn đầu tư. Trong đó 1 dự án đầu tư sản xuất ván sàn gỗ với vốn đầu tư 20 triệu USD và 1 dự án sản xuất mẫu sàn, kệ trưng bày và các sản phẩm gỗ trợ sàn gỗ với vốn đầu tư 0,7 triệu USD.
- Hoa Kỳ: 2 dự án với vốn đầu tư 0,15 triệu USD, hai dự án này tập trung vào buôn bán nguyên liệu gỗ và phân phối sản phẩm gỗ.
- Quần đảo Marshall: 1 dự án sản xuất đồ nội thất bằng gỗ với vốn đầu tư 8 triệu USD.

Ngoài ra, 9 tháng năm 2024, Việt Nam còn nhận vốn đầu tư mới từ các quốc gia/ vùng lãnh thổ như: Italia: 1 dự án với vốn đầu tư: 0,5 triệu USD; Canada: 1 dự án mới với số vốn đầu tư 1,76 triệu USD; BritishVirginIslands: 1 dự án với vốn đầu tư 2,378 triệu USD và Belarus: 1 dự án với vốn đầu tư 3 triệu USD.

Bảng 2 cung cấp thông tin chi tiết về số dự án FDI đầu tư mới vào ngành gỗ và lượng vốn đầu tư phân theo quốc gia trong giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024.

Bảng 2: Số dự án mới và vốn đầu tư của các quốc gia/ vùng lãnh thổ vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9T 2024

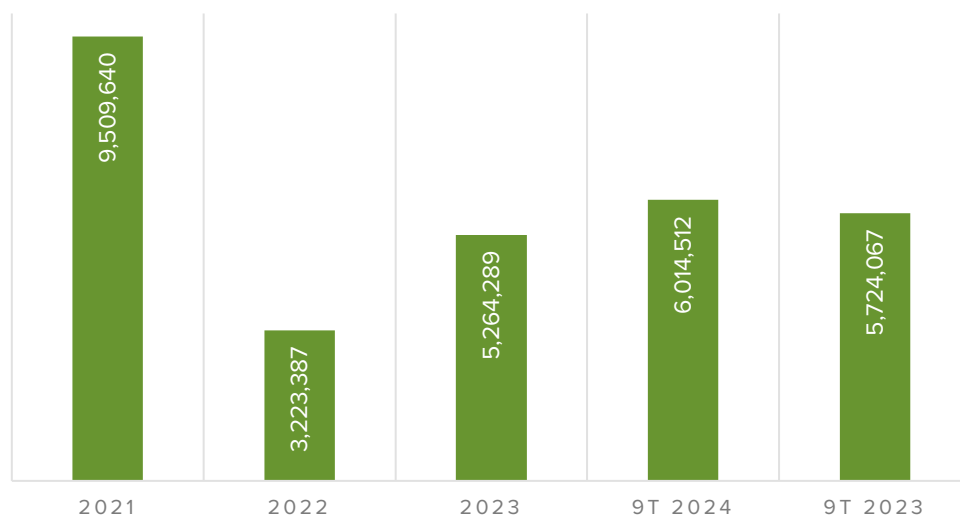
Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư	2021		2022		2023		9T 2024	
	DA cấp mới	Vốn ĐK cấp mới (USD)	DA cấp mới	Vốn ĐK cấp mới (USD)	DA cấp mới	Vốn ĐK cấp mới (USD)	DA cấp mới	Vốn ĐK cấp mới (USD)
Trung Quốc	18	32.322.717	11	24.107.112	28	106.628.464	17	128.687.942
Đài Loan (Trung Quốc)			1	2.284.885	2	16.500.000	2	4.000.000
Hàn Quốc	1	7.645.480	2	5.585.836	2	916.667		
Hồng Kông (Trung Quốc)	3	80.397.975			5	23.210.000	3	28.285.064
Nhật Bản	2	1.165.801	2	615.000	4	44.800.000		
Samoa	1	7.500.000	1	2.000.000				
Hoa Kỳ	1	60.000.000			3	7.742.829	2	150.000
Singapore	4	98.000.000	5	21.582.214	7	35.280.000	7	31.090.249
Quần đảo Virgin thuộc Anh	1	6.000.000	1	3.500.000			1	2.378.196
Seychelles	1	25.000.000	1	15.000.000	4	22.000.000		
Quần đảo Marshall	1	5.000.000			1	11.000.000	1	8.000.000
Hà Lan			1	440.918	1	31.986.535		
Anh							2	20.700.000
Khác	2	9.805.410	3	15.138.884	-	-	3	5.260.000
<b>Tổng</b>	<b>35</b>	<b>332.837.383</b>	<b>28</b>	<b>90.254.849</b>	<b>57</b>	<b>300.064.495</b>	<b>38</b>	<b>228.551.451</b>

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

## Quy mô đầu tư

Quy mô vốn đầu tư bình quân của mỗi dự án FDI mới trong 9 tháng năm 2024 đạt khoảng 6,01 triệu USD/dự án, tăng 1,05 lần so với cùng kỳ năm trước. Hình 3 thể hiện mức đầu tư trung bình cho 1 dự án FDI mới từ năm 2021 cho tới năm 9 tháng năm 2024 so với 9 tháng năm 2023.

Hình 3: Quy mô bình quân mỗi dự án FDI đầu tư mới vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Bảng 3 sau đây chỉ ra mức vốn đầu tư trung bình cho một dự án ngành gỗ giai đoạn từ năm 2021 tới 9 tháng năm 2024 theo Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư.

Bảng 3: Mức vốn đầu tư FDI trung bình mỗi dự án vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng 2024 (USD)

Quốc gia/ vùng lãnh thổ	2021	2022	2023	9T 2024
Trung Quốc	1.795.707	2.191.556	3.808.159	7.569.879
Đài Loan (Trung Quốc)	-	2.284.885	8.250.000	2.000.000
Hàn Quốc	7.645.480	2.792.918	458.334	
Hồng Kông (Trung Quốc)	26.799.325	-	4.642.000	9.428.355
Nhật Bản	582.901	307.500	11.200.000	
Samoa	7.500.000	2.000.000	-	
Hoa Kỳ	60.000.000	-	2.580.943	75.000
Singapore	24.500.000	4.316.443	5.040.000	4.441.464
Quần đảo Virgin thuộc Anh	6.000.000	3.500.000	-	2.378.196
Seychelles	25.000.000	15.000.000	5.500.000	
Quần đảo Marshall	5.000.000	-	11.000.000	8.000.000
Hà Lan	-	440.918	31.986.535	
Các nước khác	4.902.705	5.046.295	-	10.350.000

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Xét về quy mô dự án theo quốc gia/ vùng lãnh thổ trong 9 tháng đầu năm 2024, các quốc gia/ vùng lãnh thổ có số vốn đầu tư trung bình của mỗi dự án lớn gồm có:

- Vương Quốc Anh: có quy mô vốn đầu tư trung bình của mỗi dự án lớn nhất, đạt trên **10,35 triệu USD/ dự án**. Trong đó có 1 dự án đầu tư sản xuất sàn gỗ vốn đầu tư 20 triệu USD.
- Hồng Kông (Trung Quốc): đứng ở vị trí thứ hai với vốn đầu tư trung bình đạt trên **9,43 triệu USD/1 dự án** tăng 2,3 lần so với cùng kỳ năm 2023- đạt mức trung bình 4,64 triệu USD/1 dự án đầu tư mới
- Trung Quốc, quốc gia đứng đầu về số dự án đầu tư, và đứng ở vị trí thứ 3 với số vốn trung bình/1 dự án đạt **7,57 triệu USD/ dự án**, tăng 1,62 lần so với cùng kỳ năm 2023 (đạt trung bình 4,68 triệu USD/1 dự án đầu tư mới)
- Singapore xếp thứ tư về quy mô vốn đầu tư của mỗi dự án, đạt mức **4,44 triệu USD/dự án**.
- Đài Loan (Trung Quốc): xếp ở vị trí thứ năm với quy mô vốn trung bình đạt **2 triệu USD/ dự án**.

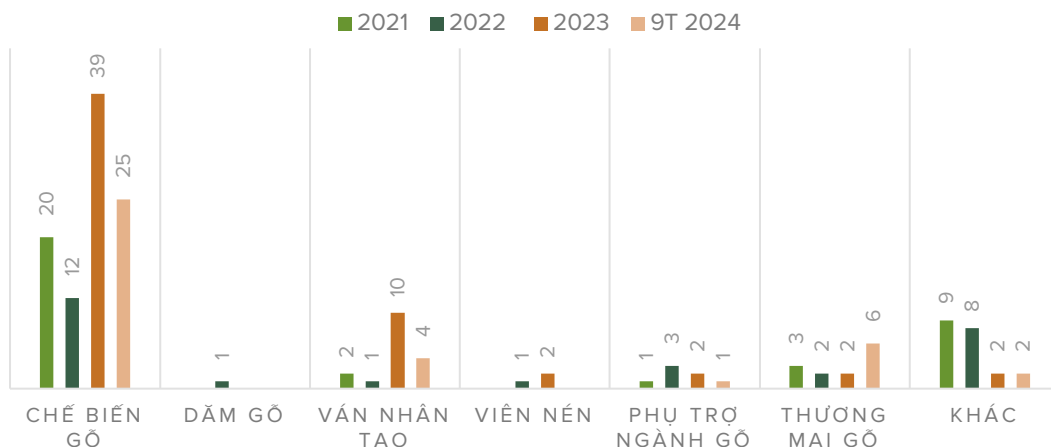
### Ngành hàng đầu tư

Chế biến gỗ là nhóm ngành hàng nhận được nhiều dự án đầu tư FDI mới nhất trong 9 tháng năm 2024, tiếp đến là các dự án thương mại ngành gỗ, đứng thứ 3 là các dự án sản xuất ván nhân tạo như gỗ dán, ván sàn và các dự án phụ trợ ngành gỗ. Cụ thể trong 9 tháng đầu năm 2024:

- Các dự án tập trung vào chế biến gỗ: 25 dự án, với tổng vốn đầu tư 174,28 triệu USD, chiếm 65,8% về số dự án và 76,3% về số vốn đầu tư. Các dự án sản xuất mặt hàng giường, tủ, bàn, ghế sofa, ghế văn phòng.
- Ván nhân tạo: 4 dự án đầu tư mới, với tổng vốn đầu tư 29,72 triệu USD, chiếm 10,5% về số dự án và 13% về vốn đầu tư.
- Thương mại gỗ: 6 dự án với tổng vốn đầu tư 7,35 triệu USD, chiếm 15,8% về số dự án nhưng chỉ chiếm 3,2% về vốn đầu tư.
- Phụ trợ ngành gỗ: 1 dự án đầu tư với số vốn là 9 triệu USD.

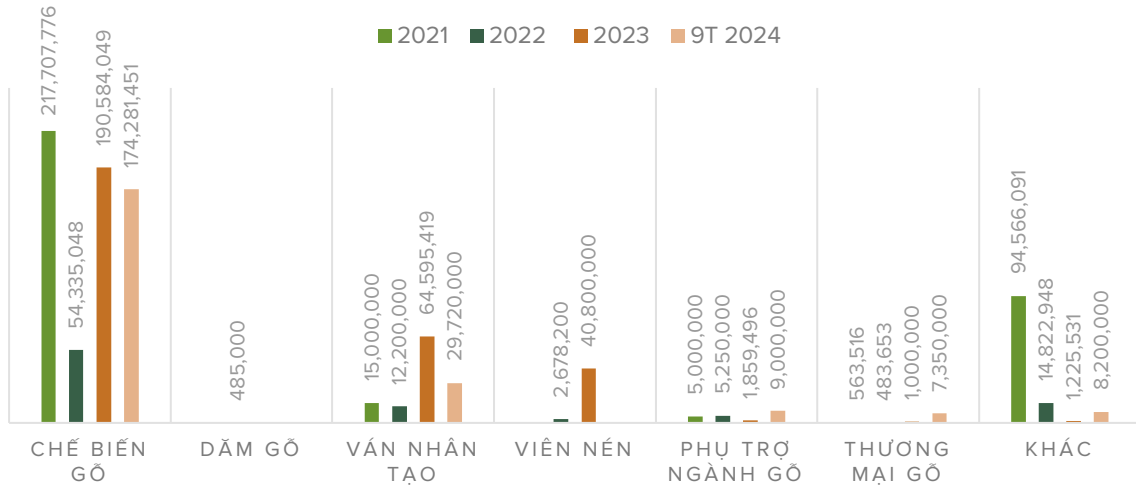
Hình 4 và Hình 5 mô tả tình hình các dự án đầu tư mới theo ngành hàng giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024.

Hình 4: Số các dự án FDI đầu tư mới theo ngành hàng vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Hình 5: Vốn đầu tư các dự án FDI đầu tư mới theo mặt hàng vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024 (Đơn vị: USD)



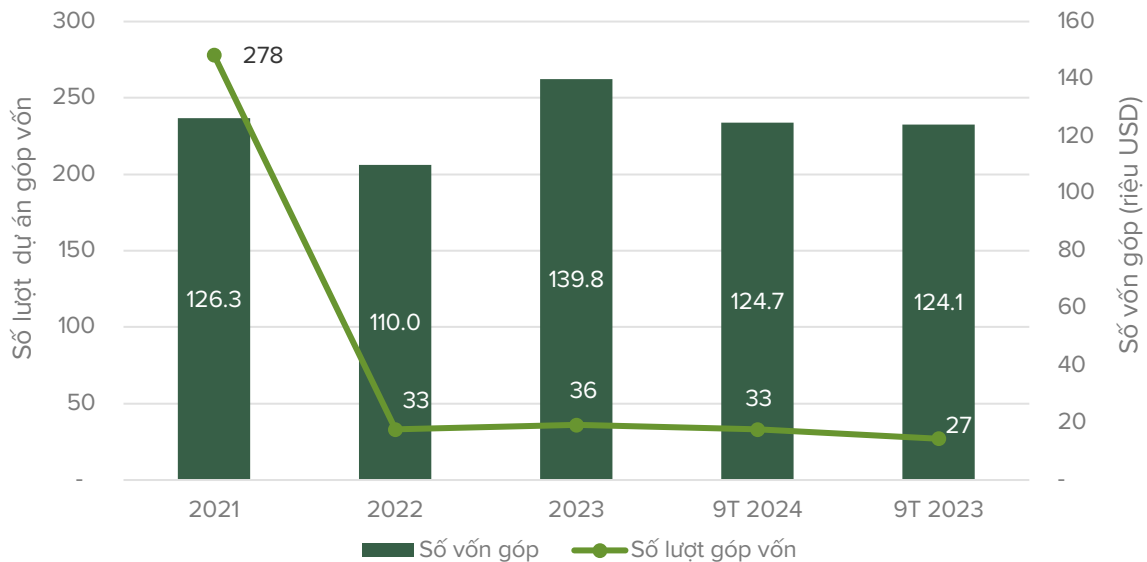
Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

### Các dự án góp vốn mua cổ phần

#### Các DA góp vốn mua cổ phần theo quốc gia/ vùng lãnh thổ

Các dự án góp vốn mua cổ phần đạt 33 lượt trong 9 tháng đầu năm 2024, với tổng vốn góp đạt 124,72 triệu USD, tăng 22,2% về số lượt và 0,5% về số vốn góp so với cùng kỳ năm 2023. Hình 6 chỉ ra sự thay đổi về lượt góp vốn và giá trị vốn góp qua các năm trong giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024.

Hình 6: Lượt góp và giá trị vốn FDI góp mua cổ phần vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Có 12 quốc gia/vùng lãnh thổ có các dự án góp vốn mua cổ phần trong ngành gỗ trong 9 tháng năm 2024, tập trung ở các nước/ vùng lãnh thổ như Trung Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Hồng Kông (Trung Quốc) và British Virgin Islands. Đây cũng chính là các quốc gia/ vùng lãnh thổ đứng đầu trong danh sách góp vốn mua cổ phần trong 9 tháng năm 2024. Cụ thể:

- Trung Quốc: có 16 lượt góp vốn mua cổ phần với số vốn góp đạt gần 17,06 triệu USD.
- Đài Loan (Trung Quốc): 6 lượt góp vốn mua cổ phần, với số vốn góp đạt trên 75,81 triệu USD.
- BritishVirginIslands: 2 lượt góp vốn mua cổ phần với tổng vốn góp đạt 2,91 triệu USD.
- Hồng Kông (Trung Quốc): 1 lượt, với số vốn góp mua cổ phần đạt 20 triệu USD.
- Anguilla: 1 lượt góp vốn mua cổ phần với số vốn góp 4,27 triệu USD.
- Ngoài ra còn có các quốc gia/ vùng lãnh thổ như Hoa Kỳ, (Trung Quốc), Samoa, Belize, Úc, Liên bang Nga và Malaysia với 1 lượt góp vốn mua cổ phần với số vốn góp lần lượt như sau: 0,87 triệu USD; 0,48 triệu USD; 0,17 triệu USD; 0,056 triệu USD và 0,04 triệu USD.

Đáng chú ý, trong 9 tháng đầu năm 2024, Đài Loan (Trung Quốc) là quốc gia có sự chuyển dịch dòng vốn góp rất lớn đạt trên 75,81 triệu USD, trong đó có 1 dự án góp vốn mua cổ phần của dự án sản xuất mặt hàng giường, tủ, bàn ghế lên tới 69,92 triệu USD tại tỉnh Bình Dương.

Bảng 4 chỉ ra chi tiết sự biến động về số lượt góp vốn và tổng số vốn góp của các Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư vào ngành gỗ Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2021 tới năm 9 tháng năm 2024.

Bảng 4: Lượt và giá trị vốn góp mua cổ phần của các doanh nghiệp FDI theo quốc gia/ vùng lãnh thổ giai đoạn 2021 -9 tháng năm 2024

Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư	2021		2022		2023		9T 2024	
	Số lượt GVM CP	Giá trị GVMCP (USD)	Số lượt GVM CP	Giá trị GVMCP (USD)	Số lượt GVM CP	Giá trị GVMCP (USD)	Số lượt GVM CP	Giá trị GVMCP (USD)
Trung Quốc	37	15.283.589	11	13.106.350	13	10.575.486	16	17.060.295
Đài Loan (Trung Quốc)	17	28.837.504	5	56.128.543	7	74.682.524	6	75.807.859
Hàn Quốc	134	30.006.063	7	35.983.722				
Hồng Kông (Trung Quốc)	2	3.600.000	2	2.700.000	1	5.000.000	1	20.000.000
Nhật Bản	9	4.926.488	2	457.240				
Samoa	1	450.000					1	873.915
Hoa Kỳ	7	8.646.691	1	214.593	3	41.801	1	1.010.143
Malaysia	5	1.531.992	1	19.530	1	1.328.268	1	40.000
Singapore	7	5.319.938			5	14.488.920		
Quần đảo Virgin thuộc Anh	3	11.644.146					2	2.910.821
Canada	2	146.417						
Khác	54	15.934.054	4	1.409.000	6	33.709.341	5	7.015.670
<b>Tổng</b>	<b>278</b>	<b>126.326.882</b>	<b>33</b>	<b>110.018.978</b>	<b>36</b>	<b>139.826.340</b>	<b>33</b>	<b>124.718.702</b>

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

### Quy mô các dự án góp vốn mua cổ phần

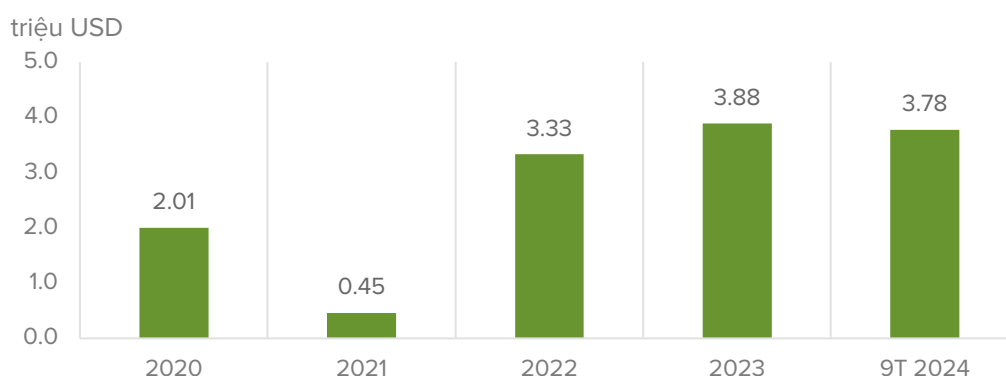
Mức góp vốn mua cổ phần trung bình cho 1 dự án trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 3,78 triệu USD/1 dự án, sắp xỉ bằng mức góp vốn trung bình mua cổ phần vào năm 2023 đạt 3,88 triệu USD/lượt.



Các quốc gia có mức vốn góp mua cổ phần cao trong 9 tháng năm 2024 lần lượt gồm: Đài Loan (Trung Quốc) có mức góp vốn cao nhất đạt 12,45 triệu USD/lượt; đứng thứ hai là Hồng Kông (Trung Quốc) với mức vốn góp mua cổ phần trung bình 5 triệu USD/lượt; BritishVirginIslands đứng thứ ba có mức vốn góp mua cổ phần trung bình 1,46 triệu USD mỗi lượt và Malaysia đứng thứ tư với mức vốn góp mua cổ phần trung bình 1,33 triệu USD/lượt vào năm 2023. Trung Quốc có số lượt góp vốn cao, tuy nhiên, quy mô vốn góp mỗi lượt chỉ đạt 0,66 triệu USD/lượt.

Hình 7 thể hiện mức vốn đầu tư trung bình cho mỗi lượt góp vốn giai đoạn từ 2021 tới hết 9 tháng năm 2024 và Bảng 5 chỉ ra số vốn góp trung bình cho 1 lượt theo quốc gia/ vùng lãnh thổ cùng giai đoạn này.

Hình 7: Giá trị vốn góp trung bình mỗi lượt trong các dự án góp vốn mua cổ phần giai đoạn 2021 – 9 tháng 2024



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Bảng 5: Giá trị vốn góp trung bình cho mỗi lượt góp vốn theo quốc gia giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024 (USD)

Quốc gia/ vùng lãnh thổ	2021	2022	2023	9T 2024
Trung Quốc	413.070	1.191.486	813.499	660.968
Đài Loan (Trung Quốc)	1.696.324	11.225.709	10.668.932	12.447.087
Hàn Quốc	223.926	5.140.532		
Hồng Kông (Trung Quốc)	1.800.000	1.350.000	5.000.000	5.000.000
Nhật Bản	547.388	228.620		
Samoa	450.000			-
Hoa Kỳ	1.235.242	214.593	13.934	41.801
Malaysia	306.398	19.530	1.328.268	1.328.268
Singapore	759.991		2.897.784	

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

### Ngành hàng đầu tư góp vốn mua cổ phần

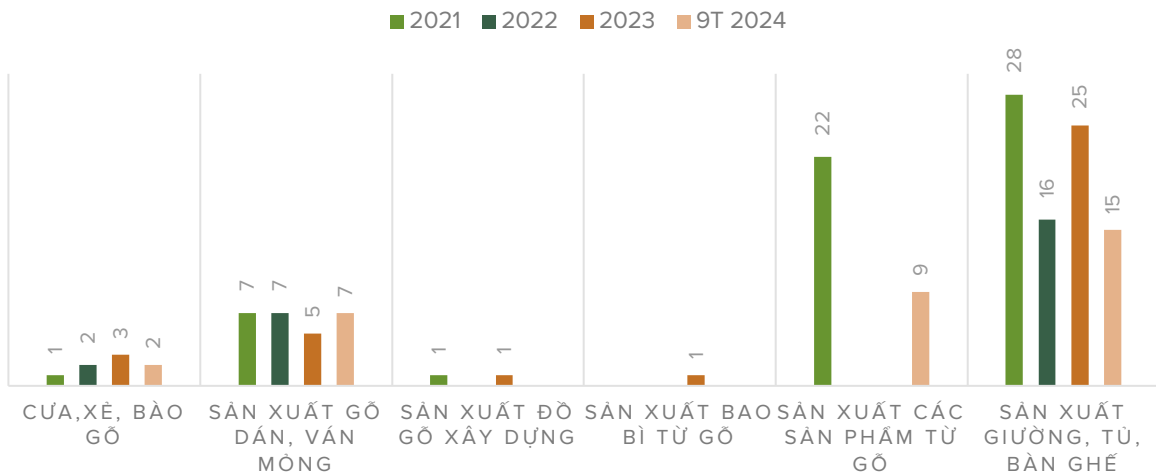
Ngành sản xuất giường, tủ, bàn ghế và sản xuất các sản phẩm từ gỗ là hai ngành hàng có lượt góp vốn cũng như số vốn góp mua cổ phần lớn trong 9 tháng năm 2024. Đứng thứ ba là ngành hàng sản

xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng và cuối cùng là ngành hàng cửa xẻ bào gỗ. Sự thay đổi này trong 9 tháng năm 2024 như sau:

- Ngành hàng giường, tủ, bàn ghế: có 15 lượt góp vốn, với tổng vốn góp thêm đạt 103,54 triệu USD, chiếm 45,5% tổng lượt GVMCP và 83% tổng vốn GVMCP. Năm 2023, mặt hàng này nhận 25 lượt với vốn đầu tư 124,93 triệu USD.
- Ngành hàng sản xuất các sản phẩm từ gỗ khác: có 9 lượt góp vốn, với số vốn góp đạt 16,85 triệu USD, chiếm 27,3% tổng lượt góp vốn và 13,5% về số vốn góp. Năm 2023, mặt hàng này không có sự thay đổi gì về vốn góp.
- Ngành hàng gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác: có 7 lượt đầu tư, tổng vốn góp đạt 2,52 triệu USD, chiếm 21,2% về lượt GVMCP và 2% về vốn góp. Năm 2023, mặt hàng này nhận 5 lượt đầu tư với tổng vốn góp 8,68 triệu USD.
- Cửa xẻ bào gỗ: 2 lượt góp vốn với số vốn góp đạt 1,8 triệu USD. Năm 2023, ngành hàng này có 3 lượt GVMCP với số vốn góp đạt 1,42 triệu USD.

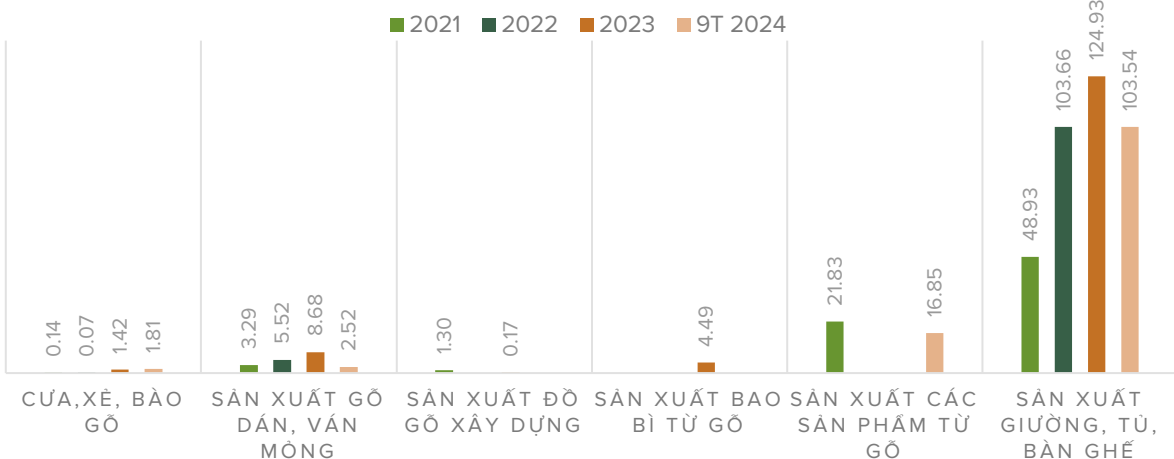
Hình 8 và Hình 9 thể hiện số lượt và số vốn GVMCP vào ngành gỗ từ năm 2021 tới 9 tháng năm 2024.

Hình 8: Số lượt đầu tư GVMCP vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng 2024 (triệu USD)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Hình 9: Giá trị vốn đầu tư GVMCP vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng 2024 (triệu USD)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

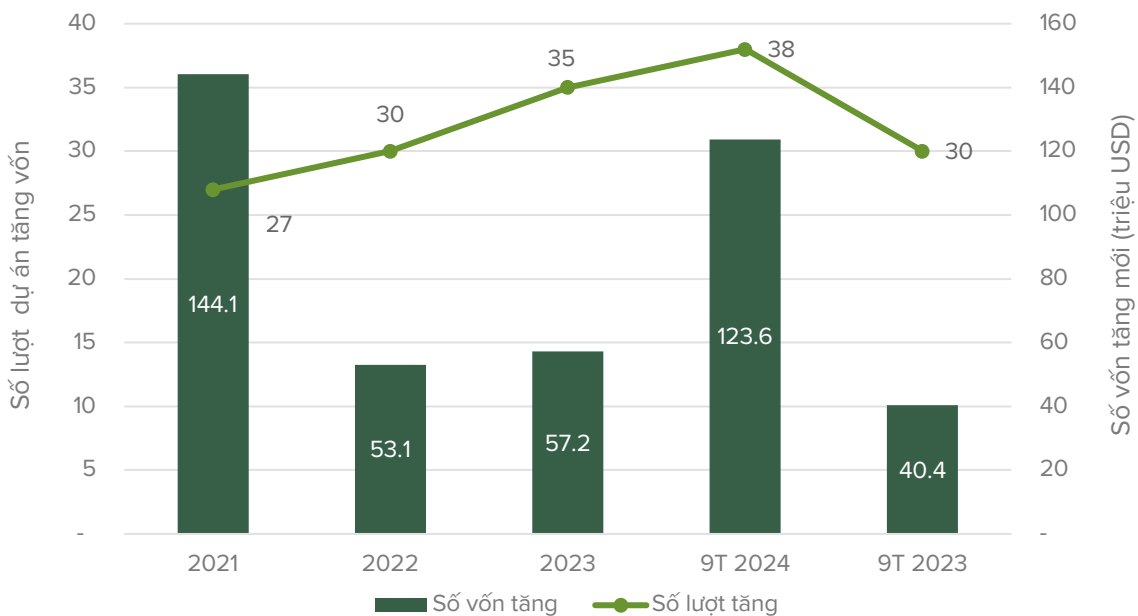
Trong 9 tháng đầu năm với 15 lượt góp vốn vào các dự án như sản xuất giường, tủ, bàn ghế nhưng lượng vốn góp vào các dự án này lại chiếm tỷ lệ lớn do ngành gỗ ghi nhận số vốn góp lớn từ nhà đầu tư Đài Loan (Trung Quốc) tại dự án sản xuất giường, tủ, bàn ghế tại Đồng Nai với số vốn góp lên tới 69,9 triệu USD và 1 dự án góp vốn của nhà đầu tư Hồng Kông (Trung Quốc) tại tỉnh Bình Dương với số vốn góp đạt 20 triệu USD.

### Các dự án điều chỉnh vốn

#### Các Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư

Trong 9 tháng năm 2024, có 13 quốc gia/ vùng lãnh thổ điều chỉnh vốn đầu tư vào các dự án ngành gỗ, có 38 lượt điều chỉnh vốn với số vốn đạt 123,6 triệu USD, tăng 26,7% về số lượt và 205,7% về số vốn so với cùng kỳ năm 2023. Hình 10 chỉ ra sự thay đổi về số lượt và số vốn điều chỉnh tăng qua các năm từ 2021 cho tới 9 tháng năm 2024 và so với 9 tháng năm 2023.

Hình 10: Số lượt và giá trị điều chỉnh vốn vào dự án FDI ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng 2024



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Các quốc gia/vùng lãnh thổ điều chỉnh tăng về số vốn 9 tháng năm 2024, cụ thể:

- Trung Quốc: có 11 lượt điều chỉnh vốn, với số vốn tăng đạt 31,72 triệu USD. Các dự án FDI điều chỉnh tăng vốn của Trung Quốc đầu tư tập trung vào: sản xuất các mặt hàng giường, tủ, bàn ghế: 8 lượt điều chỉnh, vốn tăng 23,8 triệu USD; sản xuất gỗ dán: 2 lượt, với vốn điều chỉnh tăng 5,05 triệu USD; pallet gỗ: 1 lượt điều chỉnh, với vốn tăng 2,87 triệu USD.
- Singapore: 6 lượt điều chỉnh vốn, với số vốn tăng 32,05 triệu USD, trong đó 5 dự án điều chỉnh tăng vốn tập trung vào sản xuất mặt hàng giường, tủ, bàn ghế với vốn điều chỉnh tăng 27,05 triệu USD; 1 dự án sản xuất mặt hàng ván sàn gỗ với vốn điều chỉnh tăng đạt 5 triệu USD.
- Đài Loan (Trung Quốc): 6 lượt điều chỉnh vốn, trong đó có 3 lượt điều chỉnh tăng với số vốn 2,07 triệu USD vào sản xuất mặt hàng đồ gỗ nội, ngoại thất; 3 lượt điều chỉnh giảm vốn với số vốn giảm 1,23 triệu USD ở các dự án sản xuất mặt hàng giường, tủ, bàn ghế, đồ chơi và đồ gia dụng.

- Hồng Kông (Trung Quốc): 4 lượt điều chỉnh tăng, với vốn tăng 9,43 triệu USD. Cụ thể: 3 lượt điều chỉnh tăng vốn vào dự án sản xuất mặt hàng đồ gỗ tổng vốn tăng 8,42 triệu USD; 1 lượt điều chỉnh tăng với số vốn 1 triệu USD ở dự án sản xuất đồ chơi.
- Brunei Darussalam: 2 lượt điều chỉnh tăng vốn với số vốn tăng 20 triệu USD ở dự án sản xuất mặt hàng giường, tủ, bàn ghế.
- Seychelles: 2 lượt điều chỉnh tăng, với số vốn tăng đạt 12,33 triệu USD vào dự án sản xuất đồ gỗ và đồ gỗ xây dựng.
- Ngoài ra các quốc gia có 1 lượt điều chỉnh tăng vốn như Hà Lan (tăng 6,1 triệu USD); Vương quốc Anh (tăng 5 triệu USD), Nhật Bản (2 triệu USD), Canada (0,5 triệu USD), BritishVirginIslands (0,38 triệu USD) và Luxembourg (0,25 triệu USD)

Bảng 6 chỉ ra số lượt và số vốn điều chỉnh của các dự án FDI vào ngành gỗ giai đoạn từ năm 2021 tới 9 tháng năm 2024.

Bảng 6: Số lượt và giá trị vốn điều chỉnh của các dự án FDI ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024

Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư	2021		2022		2023		9T 2024	
	Lượt điều chỉnh	Vốn điều chỉnh (USD)	Lượt điều chỉnh	Vốn điều chỉnh (USD)	Lượt điều chỉnh	Vốn điều chỉnh (USD)	Lượt điều chỉnh	Vốn điều chỉnh (USD)
Trung Quốc	6	39.283.580	12	53.006.511	12	45.549.479	11	31.716.289
Đài Loan (Trung Quốc)	3	5.326.241	2	860.000	10	-4.114.824	6	844.791
Hàn Quốc	3	15.198.794	6	-15.446.786	1	-630.000	1	3.000.000
Hồng Kông (Trung Quốc)	5	36.284.617	3	12.500.000			4	9.427.645
Nhật Bản	1	1.458.200			1	5.317.310	1	2.000.000
Samoa	1	14.000.000	1	(220.000)	1	10.000.000		
Hoa Kỳ	2	6.939.999	2	-2.395.690	3	-9.399.092		
Malaysia					1	1.000.000		
Singapore	1	22.800.000	2	1.275.856	4	5.521.572	6	32.050.000
Quần đảo Virgin thuộc Anh	1	2.000.000	1	1.500.000			1	380.000
Khác	4	847.676	1	2.000.000	2	4.000.000	8	44.182.071
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>144.139.107</b>	<b>30</b>	<b>53.079.891</b>	<b>35</b>	<b>57.244.445</b>	<b>38</b>	<b>123.600.796</b>

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

### Quy mô đầu tư của các dự án điều chỉnh vốn

Năm 2023, mức điều chỉnh trung bình của mỗi dự án FDI là tăng vốn 1,64 triệu USD/1 lượt điều chỉnh, nhưng trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 3,25 triệu USD/1 lượt điều chỉnh tăng vốn. Hình 11 thể hiện mức đầu tư trung bình cho mỗi lượt điều chỉnh vốn từ năm 2021 tới 9 tháng năm 2024.

Hình 11: Mức vốn trung bình của mỗi lượt điều chỉnh vốn đầu tư FDI vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Trung Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Singapore, Nhật Bản, Hồng Kông (Trung Quốc) là các quốc gia/ vùng lãnh thổ có số lượng dự án FDI trong ngành gỗ lớn. Nhưng quy mô điều chỉnh vốn trung bình trong một dự án của mỗi quốc gia/ vùng lãnh thổ lại khác nhau trong 9 tháng đầu năm 2024, cụ thể:

- Singapore: các giao dịch điều chỉnh tăng vốn từ quốc gia này chỉ đạt trung bình là 5,34 triệu USD/lượt.
- Hàn Quốc: mức điều chỉnh tăng vốn của các FDI từ Hàn Quốc đạt trung bình 3 triệu USD/ lượt.
- Trung Quốc: mức điều chỉnh tăng vốn của các doanh nghiệp FDI từ Trung Quốc đạt trung bình 2,89 triệu USD/ lượt.
- Hồng Kông (Trung Quốc): mức điều chỉnh tăng vốn của các FDI đạt trung bình 2,36 triệu USD/ lượt.
- Nhật Bản: mức điều chỉnh vốn tăng trung bình của các doanh nghiệp FDI Nhật Bản là 2 triệu USD/lượt.
- Đài Loan (Trung Quốc): mức điều chỉnh vốn trung bình thấp, chỉ ở mức 0,14 triệu USD/lượt. Nguyên nhân khiến dòng vốn FDI Đài Loan (Trung Quốc) giảm trong 9 tháng đầu 2024 là do sự thoái vốn tại 1 dự án sản xuất giường tủ, bàn ghế tại Bình Phước với số vốn điều chỉnh già 5,67 triệu USD. Trong 3 năm liên tiếp từ 2022 tới 9 tháng năm 2024, ngành gỗ Việt luôn ghi nhận sự thoái vốn từ các nhà đầu tư Đài Loan.

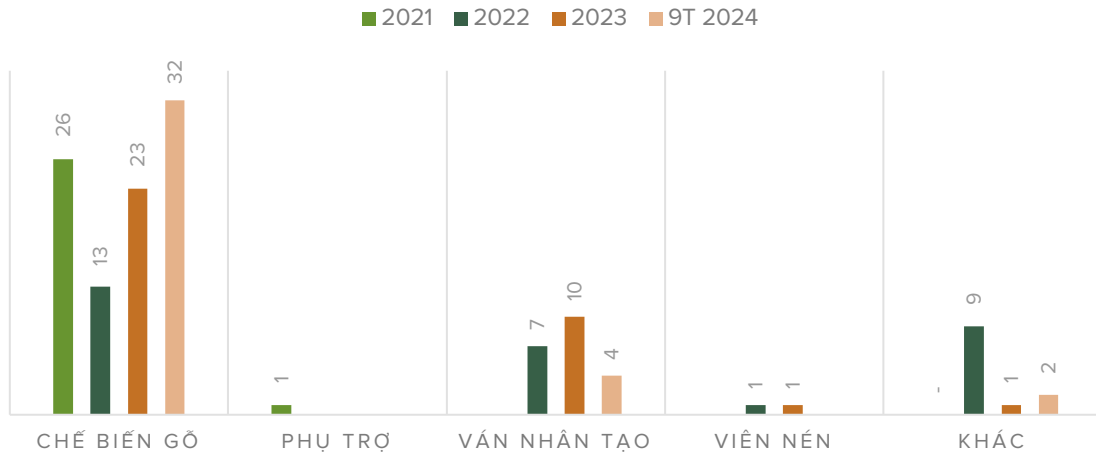
### Nhóm ngành hàng điều chỉnh vốn

Sự biến động về số lượt điều chỉnh vốn của các nhóm ngành hàng trong 9 tháng năm 2024 cụ thể như sau:

- Chế biến gỗ<sup>2</sup>: có 32 lượt điều chỉnh vốn<sup>3</sup>, với số vốn tăng 105,68 triệu USD.
- Phụ trợ ngành gỗ<sup>4</sup>: không có sự biến động về lượt điều chỉnh cũng như vốn điều chỉnh.
- Ván nhân tạo<sup>5</sup>: có 4 lượt điều chỉnh, với tổng vốn điều chỉnh tăng 15,05 triệu USD.
- Viên nén: không ghi nhận lượt điều chỉnh.
- Sản xuất các mặt hàng gỗ khác<sup>6</sup>: có 2 lượt điều chỉnh, với số vốn tăng đạt 2,87 triệu USD.

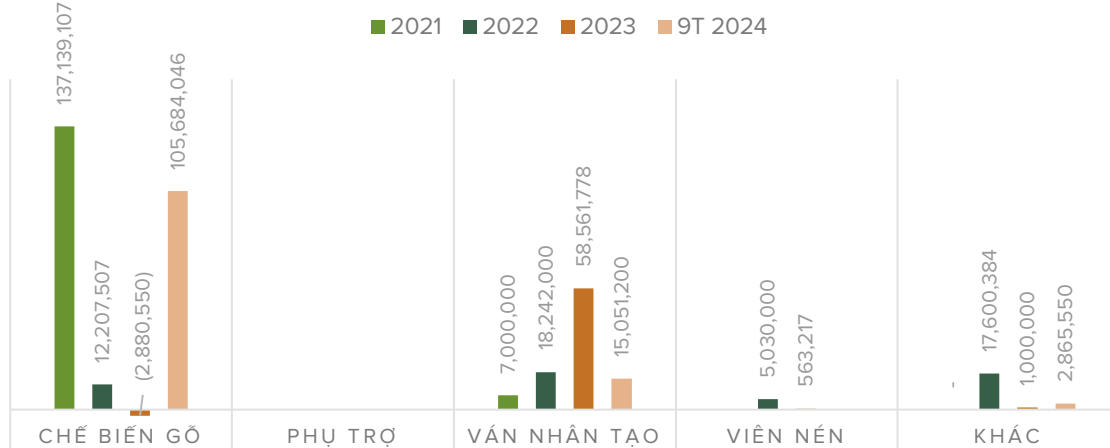
Hình 12 và Hình 13 chỉ ra chi tiết số lượt và giá trị vốn điều chỉnh chia theo mặt hàng đầu tư trong ngành gỗ giai đoạn từ năm 2021 tới 9 tháng năm 2024.

Hình 12: Số lượt điều chỉnh vốn FDI vào ngành gỗ phân theo ngành hàng giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Hình 13: Giá trị vốn điều chỉnh của các dự án FDI ngành gỗ phân theo ngành hàng giai đoạn 2021-9 tháng năm 2024



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

<sup>2</sup> Chế biến gỗ: sản xuất các sản phẩm giường, tủ, bàn ghế, kệ, các sản phẩm đồ gỗ, đồ gỗ gia dụng trong nhà, ngoài trời, sản phẩm trang trí nội thất.

<sup>3</sup> Bao gồm cả dự án mới, dự án điều chỉnh vốn và góp vốn mua cổ phần.

<sup>4</sup> Phụ trợ ngành gỗ: sản xuất keo, ngũ kim, sơn.

<sup>5</sup> Ván nhân tạo: sản xuất các loại ván sàn, ván sợi, gỗ dán, ván mỏng bằng gỗ.

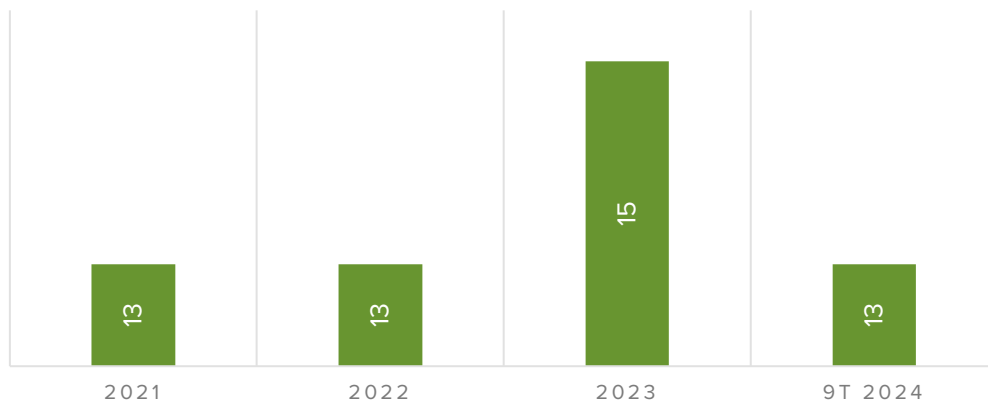
<sup>6</sup> Sản xuất các mặt hàng gỗ khác: gồm đồ gỗ xây dựng, gỗ tròn, gỗ xẻ, dăm gỗ, pallet, bao bì, thương mại gỗ.

### 2.3. Địa phương nhận các dự án FDI mới

Có 13 tỉnh/thành phố nhận 33 dự án đầu tư mới vào ngành gỗ trong 9 tháng đầu năm 2024, với số vốn đầu tư 228,55 triệu USD.

Hình 14 thể hiện số lượng các địa phương tiếp nhận các dự án đầu tư mới ngành gỗ trong giai đoạn 2021 tới 9 tháng năm 2024.

Hình 14: Số các địa phương nhận các dự án FDI mới vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

33 dự án FDI đầu tư mới trong 9 tháng năm 2024 tập trung ở các tỉnh/thành phố sau:

- Bình Phước: tỉnh dẫn đầu về số lượng các dự án FDI mới trong ngành gỗ, tỉnh cấp phép cho 9 dự án đầu tư mới, tổng vốn đầu tư đạt 74,37 triệu USD, chiếm 23,7% về số lượng các dự án và 32,5% số vốn đầu tư FDI mới của cả ngành.
- Bình Dương: đứng ở vị trí thứ 2 về số lượng dự án FDI mới. Hết quý 3/2024, tỉnh này cấp phép cho 7 dự án đầu tư mới với số vốn 28,85 triệu USD, chiếm 18,4% về số lượng dự án đầu tư mới và 12,6% về vốn đầu tư FDI của ngành gỗ.
- Bắc Ninh: xếp ở vị trí thứ 3 khi nhận được 4 dự án đầu tư mới với số vốn đạt 17,5 triệu USD, chiếm 10,5% về số lượng dự án đầu tư mới và 7,7% về số vốn đầu tư FDI vào ngành gỗ.
- Hải Dương: nhận 3 dự án đầu tư mới với vốn đầu tư đạt 25,7 triệu USD, chiếm 7,9% về số lượng dự án đầu tư mới, nhưng chiếm tới 12,6% về vốn đầu tư FDI của ngành gỗ.
- Hưng Yên, Bắc Giang, Đồng Nai, Hải Phòng, Long An và Tp. Hồ Chí Minh đều nhận được 2 dự án đầu tư mới, với vốn đầu tư lần lượt đạt: 30 triệu USD; 27,32 triệu USD; 6,3 triệu USD; 3,7 triệu USD; 1,86 triệu USD và 0,3 triệu USD.
- Tuyên Quang, Bà Rịa - Vũng Tàu và Đà Nẵng đều nhận được 1 dự án đầu tư mới với số vốn lần lượt đạt 6,6 triệu USD; 6 triệu USD và 0,05 triệu.

Bảng 7 chỉ ra số dự án và giá trị vốn đăng ký các dự án đầu tư mới vào ngành gỗ do các tỉnh, thành phố cấp phép giai đoạn từ 2021- 9 tháng năm 2024.

Bảng 7: Số dự án và giá trị vốn đầu tư FDI mới vào ngành gỗ theo địa phương giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024

Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư	2021		2022		2023		9T 2024	
	DA cấp mới	Vốn ĐK cấp mới (USD)	DA cấp mới	Vốn ĐK cấp mới (USD)	DA cấp mới	Vốn ĐK cấp mới (USD)	DA cấp mới	Vốn ĐK cấp mới (USD)
Bình Dương	8	31.044.000	4	4.784.885	18	50.321.651	7	28.848.445
TP. Hồ Chí Minh		-	2	483.653	1	159.496	2	300.000
Bình Phước	13	125.631.602	7	32.500.000	15	105.325.175	9	74.373.006
Đồng Nai	2	9.805.410	2	17.700.000	2	8.500.000	2	6.300.000
Bắc Ninh	3	2.249.400	3	6.250.000	2	1.000.000	4	17.500.000
Long An	1	500.000	1	456.145	3	2.255.877	2	1.860.000
Hà Nội		-	1	130.000				
Yên Bái	1	5.000.000	1	2.678.200	1	20.400.000		
Bắc Giang	1	75.000.000	1	2.107.112	3	29.225.531	2	27.320.000
Bình Định			2	4.318.334	2	32.986.535		
Hải Dương	1	500.000					3	25.700.000
Hải Phòng			2	346.520			2	3.700.000
Hưng Yên					3	16.916.667	2	30.000.000
Tuyên Quang					2	20.710.000	1	6.600.000
Khác	5	83.106.971	2	18.500.000	5	12.263.563	2	6.050.000
<b>Tổng</b>	<b>35</b>	<b>332.837.383</b>	<b>28</b>	<b>90.254.849</b>	<b>57</b>	<b>300.064.495</b>	<b>38</b>	<b>228.551.451</b>

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

## 3. Xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI

### 3.1. Xuất khẩu của doanh nghiệp FDI trong 9 tháng năm 2024

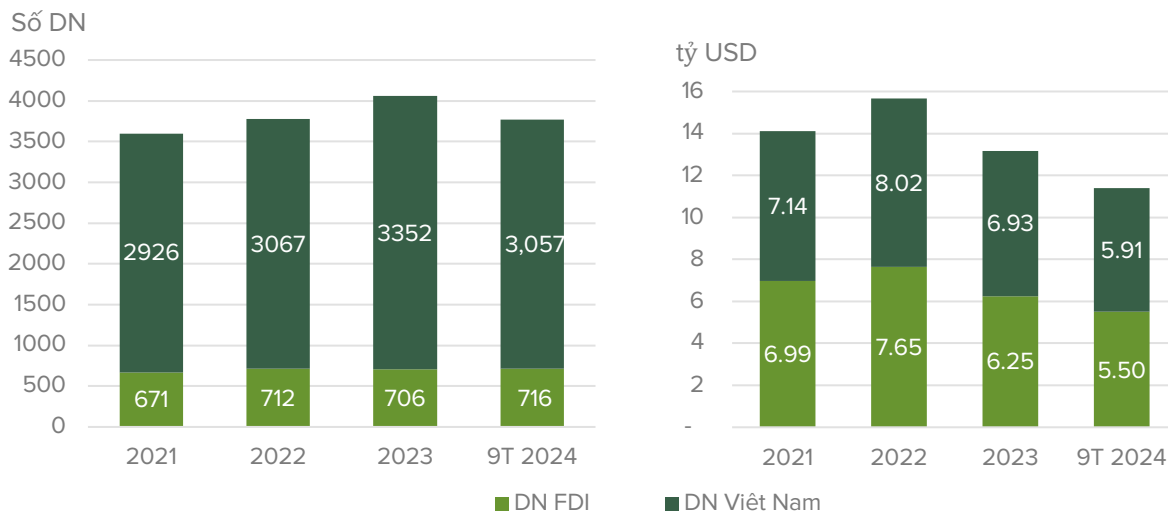
9 tháng năm 2024, Việt Nam có 3.773 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu trực tiếp với kim ngạch đạt trên 11,4 tỷ USD, tăng 17,5% so với cùng kỳ năm 2023.

Trong đó, số lượng DN FDI tham gia trực tiếp xuất khẩu trong 9 tháng năm 2024 là 716 doanh nghiệp, chiếm 19% tổng số lượng DN tham gia xuất khẩu, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2023. Nhưng về kim ngạch xuất khẩu của nhóm này đạt 5,5 tỷ USD, chiếm tới 48,2% tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành gỗ, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm 2023.

Hình 15 chỉ ra số doanh nghiệp và giá trị xuất khẩu của khối doanh nghiệp FDI giai đoạn 2021 tới 9 tháng năm 2024 so với DN Việt Nam.



Hình 15: Lượng (trái) và giá trị xuất khẩu G&SPG của DN khối FDI và DN Việt giai đoạn 2021- 9T 2024



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

### 3.2. Giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI theo Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư

Các DN FDI có vốn đầu tư từ Trung Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Quần đảo Virgin thuộc Anh, Singapore và Nhật Bản dẫn đầu về giá trị xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2024. Tổng kim ngạch xuất khẩu của các DN FDI thuộc 5 quốc gia/ vùng lãnh thổ trên đạt 4,2 tỷ USD, chiếm 77% tổng kim ngạch xuất khẩu của khối FDI.

Bảng 9 trình bày giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI theo Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư trong ngành gỗ giai đoạn từ năm 2021 tới 9 tháng năm 2024.

Bảng 8: Kim ngạch XK của khối DN FDI theo quốc gia đầu tư vào ngành gỗ giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024

Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư	2021	2022	2023	9T 2024	9T 2023
Trung Quốc	2.319.179.108	2.024.099.696	2.070.848.057	2.070.848.057	1.456.041.427
Đài Loan (Trung Quốc)	1.292.727.223	1.282.095.038	959.864.126	959.864.126	689.001.898
Quần đảo Virgin thuộc Anh	674.505.874	1.085.371.270	883.624.729	883.624.729	632.141.346
Hồng Kông (Trung Quốc)	434.517.025	511.098.844	254.437.622	254.437.622	177.907.905
Nhật Bản	408.923.108	473.808.063	392.625.633	392.625.633	291.183.878
Malaysia	436.886.348	415.566.991	288.427.043	288.427.043	207.604.505
Singapore	527.284.330	346.321.164	439.320.065	439.320.065	315.488.258
Vương quốc Anh	173.633.180	155.268.145	179.403.413	179.403.413	124.603.464
Hàn Quốc	156.678.537	153.795.722	150.101.750	150.101.750	106.430.415
Samoa	102.663.326	147.473.931	93.599.575	93.599.575	66.667.672
Nước khác	460.315.219	1.050.259.930	535.104.449	535.104.449	374.724.060
<b>Tổng</b>	<b>6.987.313.280</b>	<b>7.645.158.794</b>	<b>6.247.356.463</b>	<b>6.247.356.463</b>	<b>4.441.794.828</b>

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu Tổng cục Hải quan

Cụ thể kim ngạch xuất khẩu của DN FDI từ một số Quốc gia/ vùng lãnh thổ đầu tư trong ngành gỗ 9 tháng năm 2024 như sau:

- DN có vốn đầu tư từ Trung Quốc: giá trị xuất khẩu đạt 1,96 tỷ USD, tăng 34,6% so với cùng kỳ năm 2023 và chiếm 35,6% tổng giá trị xuất khẩu của khối DN FDI.
- DN có vốn đầu tư từ Đài Loan (Trung Quốc): đạt 0,82 tỷ USD, tăng 18,7% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 14,9% tổng giá trị xuất khẩu của khối DN FDI.
- DN có vốn đầu tư từ Quần đảo Virgin thuộc Anh: đạt trên 0,77 tỷ USD, tăng 22,0% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 14% tổng giá trị xuất khẩu của khối DN FDI.
- DN có vốn đầu tư từ Singapore: đạt gần 0,37 tỷ USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2024, chiếm 6,8% tổng giá trị xuất khẩu của khối DN FDI.
- DN có vốn đầu tư từ Nhật Bản: đạt trên 0,29 tỷ USD, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm 2024, chiếm 5,2% tổng giá trị xuất khẩu của khối DN FDI.

### 3.3. Giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI theo địa phương nhận đầu tư

Bình Dương, Đồng Nai, Bình Phước, Hồ Chí Minh là 4 địa phương có kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI đạt giá trị cao trong 9 tháng năm 2024, đạt trên 4,4 tỷ USD, chiếm 78,4% tổng kim ngạch xuất khẩu của khối DN FDI. Cụ thể về kim ngạch xuất khẩu G&SPG trong 9 tháng năm 2024 theo địa phương như sau:

- Bình Dương: là tỉnh dẫn đầu về giá trị xuất khẩu trong ngành gỗ của cả nước, giá trị xuất khẩu G&SPG của tỉnh này đạt trên 4,75 tỷ USD, tăng 26,1% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 41,6% tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành gỗ. Trong đó khối DN FDI đạt 3,36 tỷ USD chiếm 70,9% tổng kim ngạch xuất khẩu G&SPG của Bình Dương; DN nội địa đạt 1,13 tỷ USD chiếm 29,1%.
- Đồng Nai đứng thứ hai, đạt giá trị xuất khẩu trên 1,07 tỷ USD, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm 2023 và chiếm 9,4% tổng kim ngạch xuất khẩu G&SPG của cả nước. Trong đó khối FDI tại tỉnh này đạt 0,47 tỷ USD, chiếm 44,1% tổng giá trị xuất khẩu G&SPG của Đồng Nai, khối DN nội địa đạt 0,6 tỷ USD, chiếm 55,9%.
- TP Hồ Chí Minh đứng thứ ba về kim ngạch xuất khẩu. Trong 9 tháng năm 2024 giá trị xuất khẩu G&SPG của Tp. Hồ Chí Minh đạt 0,91 tỷ USD, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 8% tổng giá trị xuất khẩu của cả nước. Trong đó khối DN FDI đạt 0,22 tỷ USD, chiếm 24,1% tổng giá trị xuất khẩu G&SPG của Tp. Hồ Chí Minh, các DN nội địa đạt 0,69 tỷ USD, chiếm 75,9%.
- Bình Phước, địa phương đứng thứ 4 về kim ngạch xuất khẩu của khối DN FDI và là tỉnh nhận được nhiều dự án đầu tư mới trong 9 tháng năm 2024. 9 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu G&SPG của tỉnh này đạt 0,49 tỷ USD, tăng 33,3% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 4,3% tổng giá trị xuất khẩu của cả nước. Trong đó kim ngạch xuất khẩu của khối DN FDI đạt 0,34 tỷ USD chiếm 69,5% tổng giá trị xuất khẩu G&SPG của tỉnh Bình Phước, DN nội địa đạt 0,15 tỷ USD chiếm 30,5%.

Bảng 10 biểu thị giá trị xuất khẩu của DN FDI và DN trong nước giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024 của các tỉnh thành.

Bảng 9: Kim ngạch xuất khẩu phân bố theo tỉnh thành phân theo DN FDI và DN Việt giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024

Tỉnh/Thành phố	Kim ngạch XK của DN FDI				Kim ngạch XK của DN Việt Nam			
	2021	2022	2023	9T 2024	2021	2022	2023	9T 2024
Bình Dương	4.557.912.869	4.062.314.046	3.716.501.312	3.363.541.777	1.559.443.326	1.893.614.987	1.608.326.158	1.383.214.465
Đồng Nai	995.178.579	972.228.763	588.916.177	472.101.810	773.762.105	898.482.500	733.903.953	599.177.587
Bình Phước	140.379.231	140.280.339	358.825.363	339.339.251	114.273.013	129.266.237	162.383.089	148.667.127
TP Hồ Chí Minh	314.082.497	325.008.620	232.251.672	219.289.774	834.551.936	1.432.818.734	787.507.548	689.250.008
Vĩnh Phúc	201.260.755	192.704.320	152.264.480	101.740.877	38.599.722	37.547.885	28.922.182	21.624.973
Quảng Ninh	75.265.229	106.666.831	93.314.955	55.021.661	163.549.645	218.890.225	273.564.720	284.710.805
Long An	103.632.251	112.797.490	78.379.459	76.822.926	81.692.017	84.361.702	44.556.653	33.138.959
Tây Ninh	55.322.720	60.735.077	60.809.179	52.514.417	20.094.645	22.168.614	19.514.935	14.980.767
Hải Phòng	132.943.652	131.409.896	78.509.318	62.386.986	83.235.832	50.794.762	62.426.662	24.903.034
Thừa Thiên - Huế	52.804.423	63.718.629	38.202.910	50.465.072	42.552.506	60.220.711	40.199.950	45.440.383
Tỉnh khác	358.531.074	1.477.294.783	849.381.636	707.915.336	3.426.329.905	3.195.022.726	3.168.681.007	2.660.177.469

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu Tổng cục Hải quan

### 3.4. Mặt hàng xuất khẩu của các DN FDI 9 tháng đầu năm 2024

Kim ngạch xuất khẩu của các DN FDI tập trung chính vào các mặt hàng đồ gỗ, ghế ngồi, gỗ dán, còn các mặt hàng như viên nén, dăm gỗ nhóm DN FDI chiếm tỷ trọng nhỏ cả về số lượng DN và giá trị xuất khẩu. Trong 9 tháng đầu năm 2024, giá trị xuất khẩu của 3 mặt hàng đồ gỗ, ghế ngồi và gỗ dán chiếm 87,6% tổng kim ngạch xuất khẩu của khối DN FDI, đạt 4,82 tỷ USD.

Số lượng và giá trị xuất khẩu của các mặt hàng của nhóm FDI trong 9 tháng đầu năm 2024 cụ thể như sau:

**Đồ gỗ (HS 9403):** xuất khẩu đạt 2,94 tỷ USD, chiếm 63,3% tổng KNXK mặt hàng đồ gỗ và chiếm 53,4% tổng KNXK của khối FDI, tăng 28% so với cùng kỳ năm 2023. Về số lượng DN FDI tham gia xuất là 536 DN, chiếm 27,2% tổng số DN xuất khẩu mặt hàng đồ gỗ và chiếm 74,9% số DN FDI tham gia xuất khẩu.

**Ghế ngồi (HS 9401):** xuất khẩu đạt 1,177 tỷ USD, chiếm 71,4% tổng KNXK mặt hàng ghế ngồi và chiếm 32,2% tổng KNXK của khối FDI, tăng 24,6% so với cùng kỳ năm 2023. Có 406 DN FDI tham gia xuất khẩu mặt hàng này trong 9 tháng đầu năm 2023, chiếm 29% tổng DN xuất khẩu mặt hàng ghế ngồi và chiếm 56,7% số DN FDI tham gia xuất khẩu.

**Gỗ dán (HS 4412):** xuất 113,79 triệu USD, chiếm 15,9% tổng KNXK nhóm mặt hàng gỗ dán và chiếm 2,1% tổng KNXK của khối FDI, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm 2023. Về số lượng DN tham gia xuất khẩu mặt hàng này là 65 DN, chiếm 14,1% số DN tham gia xuất khẩu mặt hàng gỗ dán và chiếm 9,1% số lượng DN FDI tham gia xuất khẩu.

Bảng 11 chỉ ra số lượng doanh nghiệp và giá trị xuất khẩu của nhóm DN FDI và DN Việt Nam theo mặt hàng trong giai đoạn từ 2021 tới hết 9 tháng năm 2024.

Bảng 10: Số lượng doanh nghiệp và giá trị xuất khẩu của DN FDI và DN Việt Nam theo mặt hàng giai đoạn 2021 – 9T 2024

Mặt hàng	Loại hình	Số DN				Trị giá (USD)			
		2021	2022	2023	9T 2024	2021	2022	2023	9T 2024
Dăm gỗ	DN FDI	16	17	18	21	270.890.924	402.628.552	304.359.750	258.533.175
	DN Việt	76	69	82	80	1.466.227.460	2.384.336.731	1.913.686.291	1.730.492.428
Viên nén	DN FDI	10	10	9	9	28.949.090	42.222.619	39.904.476	31.998.531
	DN Việt	76	99	98	83	384.033.307	744.877.714	639.682.274	520.889.287
Gỗ dán	DN FDI	51	56	63	65	346.422.405	238.771.886	154.295.759	113.790.022
	DN Việt	330	362	417	395	736.270.736	797.255.142	734.584.049	602.431.029
Ghế ngồi	DN FDI	328	330	343	406	2.043.460.947	1.950.224.135	2.009.707.634	1.770.439.501
	DN Việt	941	1007	1041	994	1.430.458.731	1.034.463.739	575.354.743	707.936.142
Đồ gỗ	DN FDI	435	438	454	536	3.860.610.308	4.426.262.412	3.240.487.583	2.935.595.353
	DN Việt	1411	1539	1703	1434	2.379.203.806	2.406.273.583	2.298.428.536	1.705.173.972

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu Tổng cục Hải quan

### 3.5. Thị trường xuất khẩu của các DN FDI 9 tháng đầu năm 2024

Trong 9 tháng đầu năm 2024, Việt Nam đã xuất khẩu G&SPG sang 166 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó các DN FDI sang 126 quốc gia và vùng lãnh thổ, nhưng thị trường xuất khẩu chính của khối DN FDI tập trung ở 5 thị trường chính là Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, EU và Hàn Quốc.

Giá trị xuất khẩu của các DN FDI xuất khẩu sang thị trường này trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 4,84 tỷ USD, chiếm 88% tổng kim ngạch G&SPG của các DN FDI. Giá trị xuất khẩu và số lượng các DN FDI tham gia trực tiếp vào xuất khẩu G&SPG trong 6 tháng đầu năm 2024 cụ thể như sau:

**Hoa Kỳ:** Có 523 DN FDI xuất khẩu sang thị trường này trong 9 tháng đầu năm đạt giá trị xuất 4,1 tỷ USD, tăng 34,1% về số lượng DN và 28% về giá trị xuất khẩu so với cùng kỳ năm 2023. Về tỷ trọng số lượng DN FDI tham gia xuất khẩu vào thị trường này chiếm 73% tổng số DN FDI và chiếm 74,8% giá trị xuất khẩu của khối DN FDI.

**Nhật Bản:** Có 141 DN FDI xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản, đạt 411,99 triệu USD, tăng 2,2% về số lượng DN FDI tham gia xuất khẩu nhưng giảm 0,6% về giá trị xuất khẩu so với cùng kỳ năm 2023. Về tỷ trọng số lượng DN FDI tham gia xuất khẩu chiếm 19,7% tổng số DN FDI và chiếm 7,5% giá trị xuất khẩu của khối DN FDI.

**Trung Quốc:** có 98 DN FDI xuất khẩu vào thị trường này, đạt 112,14 triệu USD, tăng 18,1% về số lượng DN và 32,9% về giá trị xuất khẩu so với cùng kỳ năm 2023. Về tỷ trọng chiếm 13,7% tổng số lượng DN FDI tham gia xuất khẩu và chiếm 2% tổng giá trị xuất khẩu của khối DN FDI.

**EU:** có 138 DN FDI tham gia xuất khẩu vào thị trường này, đạt 109,56 triệu USD, giảm 5,5% về số lượng DN FDI tham gia xuất khẩu và tăng 15,6% giá trị xuất khẩu so với cùng kỳ năm 2023. Về tỷ trọng chiếm 19,3% tổng số lượng DN FDI tham gia xuất khẩu và chiếm 2% tổng giá trị xuất khẩu của khối DN FDI.

**Hàn Quốc:** có 104 DN FDI tham gia xuất khẩu vào Hàn Quốc, đạt 91,8 triệu USD, giảm 5,5% về số lượng DN xuất khẩu nhưng tăng 12,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2023. Về tỷ trọng chiếm 14,5% tổng số lượng DN FDI và 1,7% tổng giá trị xuất khẩu của khối DN FDI.

Bảng 12 chỉ ra số lượng và giá trị xuất khẩu của khối DN FDI và DN Việt xuất khẩu trong giai đoạn từ năm 2021 tới 9 tháng năm 2024.

Bảng 11: Số lượng và giá trị xuất khẩu của khối DN FDI và DN Việt xuất khẩu trong giai đoạn từ năm 2021 tới 9 tháng năm 2024.

Thị trường	Loại hình	Số lượng DN				KNXX			
		2021	2022	2023	9T 2024	2021	2022	2023	9T 2024
Mỹ	DN FDI	419	456	452	523	5.527.326.419	6.003.161.116	4.790.737.304	4.114.068.147
	DN Việt	1148	1238	1336	944	2.881.407.416	2.483.041.893	2.315.154.952	1.800.658.569
Trung Quốc	DN FDI	120	99	105	98	93.916.070	160.596.869	116.746.747	112.137.810
	DN Việt	400	337	324	310	1.394.865.313	2.013.480.960	1.614.389.892	1.446.435.001
Nhật Bản	DN FDI	160	150	142	141	595.110.633	683.532.880	559.543.916	411.985.895
	DN Việt	442	430	478	431	794.777.542	1.209.031.655	1.096.060.923	826.486.583
Hàn Quốc	DN FDI	145	140	120	104	124.329.220	119.841.127	108.476.487	91.806.435
	DN Việt	595	601	583	498	745.031.267	892.551.219	688.331.310	481.203.917
EU	DN FDI	157	157	161	138	179.448.076	186.220.613	138.145.225	109.555.230
	DN Việt	623	701	703	622	418.314.567	459.493.404	317.372.988	266.053.555

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu Tổng cục Hải quan

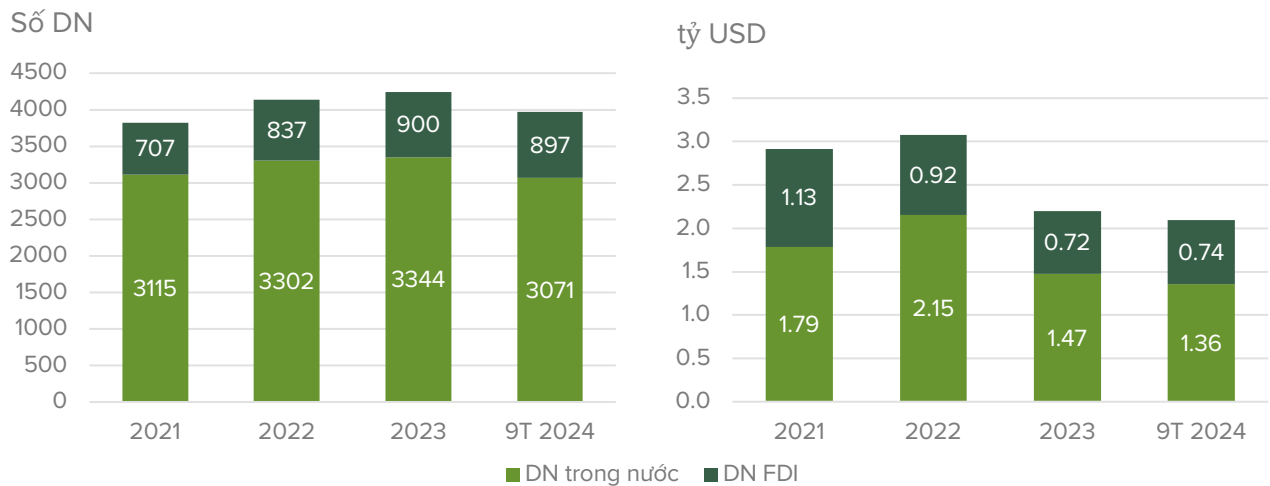
## 4. Nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

### 4.1. Nhập khẩu của doanh nghiệp FDI 9 tháng năm 2024

Trong 9 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp FDI đạt 736,92 triệu USD, chiếm 35,2% tổng kim ngạch nhập khẩu của ngành gỗ, tăng 44,5% so với cùng kỳ năm 2023. Số lượng DN FDI tham gia trực tiếp xuất khẩu trong 9 tháng năm 2024 là 897 doanh nghiệp, chiếm 22,6% tổng lượng DN tham gia nhập khẩu, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2023.

Hình 16 thể hiện số DN và kim ngạch nhập khẩu của DN FDI giai đoạn 2021 tới 9 tháng năm 2024 so với DN Việt Nam.

Hình 16: Lượng (trái) và giá trị nhập khẩu G&SPG của DN khối FDI và DN trong nước giai đoạn 2021- 9 tháng năm 2024



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu Tổng cục Hải quan

### 4.2. Mặt hàng nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2024

Kim ngạch nhập khẩu và số lượng DN FDI tập trung chính và ba mặt hàng là gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ dán. Trong 9 tháng đầu năm 2024, giá trị nhập khẩu của 3 mặt hàng này chiếm 47,3% tổng kim ngạch nhập khẩu G&SPG của DN FDI, đạt 0,35 tỷ USD.

Bảng 13 chỉ ra lượng DN và giá trị nhập khẩu G&SPG của nhóm FDI trong 9 tháng đầu năm 2024.

Bảng 12: Số DN và kim ngạch nhập khẩu của DN FDI và DN trong nước theo các mặt hàng chính, giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024

Mặt hàng	Loại hình	2021		2022		2023		9T 2024	
		Số DN	Trị giá	Số DN	Trị giá	Số DN	Trị giá	Số DN	Trị giá
Gỗ tròn	FDI	38	48.462.262	44	59.409.536	41	53.579.073	30	69.971.327
	VN	568	473.407.803	695	688.734.910	584	400.945.295	498	313.077.986
Gỗ xẻ	FDI	256	328.341.805	258	275.452.893	247	176.645.445	227	172.480.171
	VN	957	770.034.380	1011	919.724.531	963	571.705.218	863	521.489.759
Gỗ dán	FDI	223	154.014.150	215	106.245.988	183	102.753.931	194	106.279.093
	VN	275	78.452.385	252	70.925.011	287	56.621.764	272	57.221.353

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu Tổng cục Hải quan

### 4.3. Thị trường nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2024

Trong 9 tháng đầu năm 2024, các thị trường cung cấp G&SPG chính cho khối DN FDI của ngành gỗ Việt Nam là Brazil, Cameroon, Trung Quốc và Hoa Kỳ, đạt 0,53 tỷ USD, chiếm 71,3% tổng kim ngạch NK G&SPG của DN FDI.

Bảng 14 chỉ ra lượng DN và giá trị nhập khẩu G&SPG của nhóm FDI trong 9 tháng đầu năm 2024 theo các thị trường chính.

Bảng 13: Số DN và kim ngạch nhập khẩu của DN FDI và DN trong nước theo các thị trường chính, giai đoạn 2021 – 9 tháng năm 2024

Thị trường	Loại hình	2021		2022		2023		9T 2024	
		Số DN	Trị giá	Số DN	Trị giá	Số DN	Trị giá	Số DN	Trị giá
Brazil	FDI	57	47.209.497	46	31.529.122	32	11.718.791	31	15.757.456
	VN	130	75.022.371	120	65.996.754	92	31.205.911	97	32.462.709
Cameroon	FDI	1	95.417	0	-	2	1.364.994	1	6.856
	VN	105	181.225.612	116	260.366.700	96	175.233.682	87	102.832.153
China	FDI	213	162.540.971	535	464.283.082	571	384.320.295	635	404.327.307
	VN	301	104.331.981	1751	448.179.710	1794	375.882.476	1689	387.617.009
Mỹ	FDI	150	133.595.105	171	128.372.797	188	97.670.427	185	105.451.896
	VN	327	177.453.140	365	216.615.036	361	140.388.317	359	129.901.558

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu Tổng cục Hải quan

## 5. Kết luận

Trong 9 tháng đầu năm 2024, ngành gỗ Việt tiếp nhận đa dạng các dự án đầu tư nước ngoài vào ngành gỗ ở cả ba loại hình các DA đầu tư mới, góp vốn mua cổ phần và điều chỉnh vốn sản xuất. Về kim ngạch xuất khẩu của các DN FDI vẫn giữ vững tốc độ tăng trưởng và chiếm ưu thế đạt 5,5 tỷ USD chiếm tới 48,2% tổng kim ngạch XK của ngành, mặc dù số lượng DN khối này tham gia chỉ chiếm 19% trong tổng số DN tham gia xuất khẩu.

Nhìn chung, các dự án FDI mới đầu tư vào ngành gỗ tập trung vào các sản phẩm mang lại giá trị gia tăng cao, chủ yếu là các DA sản xuất sản phẩm giường, tủ bếp, bàn ghế. Trung Quốc vẫn là quốc gia chiếm ưu thế về số lượng cũng như mức vốn đầu tư ở cả 3 hạng mục đầu tư mới, góp vốn mua cổ phần và điều chỉnh vốn. Tuy nhiên trong 9 tháng năm 2024, phân tích cho thấy các DA FDI đầu tư mới từ Trung Quốc và Hồng Kông (Trung Quốc) đã có sự tăng về quy mô đầu tư. Mức vốn đầu tư mới của các nhà đầu tư Trung Quốc tăng từ mức trung bình 4,68 triệu USD/1 dự án vào 9 tháng năm 2023 lên 7,57 triệu USD/1 dự án trong 9 tháng năm 2024. Đối với các dự án đầu tư mới của nhà đầu tư Hồng Kông (Trung Quốc) tăng từ mức trung bình 4,64 triệu USD/1 dự án trong 9 tháng năm 2023 lên 9,42 triệu Usd/1 dự án 9 tháng năm 2024.

Bình Phước trong 3 năm trở lại đây tiếp tục trở thành tỉnh đón nhận dòng vốn FDI đầu tư vào ngành gỗ lớn nhất trên cả nước, vượt qua Bình Dương - tỉnh luôn đứng đầu về địa chỉ nhận nguồn vốn FDI vào ngành gỗ trước đó. Tính tổng thể trung các DA FDI trong ngành gỗ vẫn tập trung ở các tỉnh như Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, tuy nhiên trong vài năm trở lại đây các tỉnh phía Bắc như Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hưng Yên, Bắc Giang đã liên tục đón nhận các dự án FDI, trong đó có nhiều dự án với số vốn đầu tư lớn. Điều này cho thấy hệ thống cơ sở hạ tầng tốt, nguồn nhân

lực ổn định, nỗ lực cải cách thủ tục hành chính và sự năng động trong công tác xúc tiến đầu tư của địa phương phía Bắc đã ngày càng được cải thiện.

Kết quả hoạt động của các DN FDI trong ngành gỗ hiện nay thể hiện rõ ràng số lượng DN FDI tham gia xuất khẩu nhỏ nhưng lại chiếm tỷ trọng xuất khẩu lớn, đây là điều đáng suy ngẫm cho ngành gỗ Việt. Trong bối cảnh sắp tới với sự biến động mạnh mẽ về chính sách tại các thị trường xuất khẩu lớn, trọng điểm như Mỹ, EU,...và các quy định khắt khe hơn tại các thị trường này, việc tạo kênh kết nối và thúc đẩy mối liên kết giữa DN nội địa và DN FDI là cần thiết. Kết nối này cần được hình thành và thúc đẩy bởi khối các cơ quan nhà nước, các Hiệp hội để hình thành sự gắn kết và chia sẻ giữa khối DN FDI và DN nội địa từ đó tạo ra sự đồng thuận và động lực để ngành gỗ phát triển bền vững ngành gỗ./.